III. TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

NĂNG LƯỢNG TIÊU THỤ TRỰC TIẾP VÀ GIÁN TIẾP

Tên nhà máy	Tỷ lệ điện tự dùng (%)	Tiết kiệm so với mức được duyệt (kWh)
NMNĐ Phú Mỹ	**1,79%**	Bằng Kế hoạch được giao
NMNĐ Vĩnh Tân 2	**6,83%**	Thực hiện năm 2023 là 6,83% thấp hơn KH giao (KH: 7,10%)
NMNĐ Mông Dương	**9,36%**	Thực hiện năm 2023 là 9,36% thấp hơn KH giao (KH: 9,50%)
CTTĐ Buôn Kuốp	**0,54%**	Thực hiện năm 2023 là 0,54% thấp hơn KH giao (KH: 0,6%)

CÁC GIẢI PHÁP ĐƯỢC ÁP DỤNG ĐỂ TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG

Nhận thức được vai trò của việc tiết kiệm năng lượng trong quá trình sản xuất điện là yếu tố quan trọng trong việc đảm bảo phát triển bền vững, Tổng Công ty Phát điện 3 thực hiện nhiều giải pháp giảm suất hao nhiệt, đẩy mạnh công tác chuyển đổi số, tồn kho nhiên liệu tối ưu. Một số chủ trương tiết kiệm năng lượng đang được EVN*GENCO3* tích cực triển khai như sau:

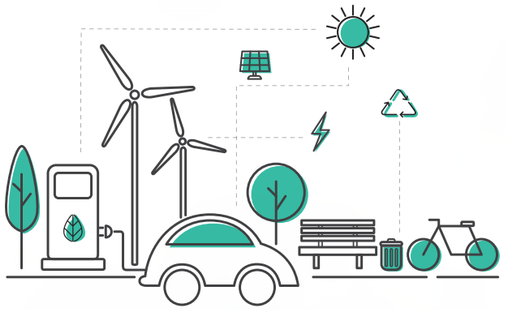

• Tận dụng tối đa ánh sáng và gió tự nhiên, giảm công suất vận hành các nguồn điện không thiết yếu, tránh sử dụng đồng thời các thiết bị có công suất tiêu thụ lớn trong giờ cao điểm.

• Sửa chữa, cải tạo hệ thống chiếu sáng thay thế dần từ bóng sợi đốt sang dạng đèn Led; cải tạo mạch chiếu sáng đơn pha/theo cụm sang dạng phân pha (3 pha) để tăng cường tiết kiệm điện; rà soát, bổ sung hệ thống bật/tắt tự động.

• Năm 2023, EVN*GENCO3* tiếp tục triển khai lắp đặt Điện mặt trời công suất khoảng 3.500 kWp phục vụ cấp điện tự dùng cho các hệ thống thiết bị phụ trong các nhà máy điện.

IV. TIÊU THỤ NƯỚC

NGUỒN CUNG CẤP NƯỚC VÀ LƯỢNG NƯỚC SỬ DỤNG

• **Nước chạy máy sản xuất điện trong nhà máy thủy điện của Tổng Công ty:** được tích trong các hồ chứa phía thượng lưu nhà máy, qua hệ thống tuyến năng lượng dẫn vào tuabin phát điện, sau đó đổ ra hạ lưu nhà máy qua hệ thống kênh dẫn và nhập vào các nhánh sông, suối.

• **Nước làm mát trong các nhà máy nhiệt điện:** được lấy từ sông hoặc biển qua hệ thống kênh dẫn nước vào, đưa vào bình ngưng để trao đổi nhiệt làm mát, sau đó đổ ra lại sông hoặc biển qua hệ thống kênh thoát nước làm mát.

• Ngoài ra, các nhà máy nhiệt điện còn sử dụng nước thủy cục (từ đơn vị cung cấp), nước hồ hoặc nước biển để sản xuất nước khử khoáng phục vụ sản xuất điện; nước biển còn được tận dụng để xử lý môi trường đối với khói thải trước khi qua ống khói.

• Khối lượng nước khai thác sử dụng tại các nhà máy năm 2023:

Chỉ tiêu	ĐVT	NMNĐ Mông Dương 1	NMNĐ Vĩnh Tân 2	NMNĐ Phú Mỹ	NMTĐ Buôn Kuốp, Bua Tua Srah và Srêpốk 3	NMNĐ Bà Rịa	NMNĐ Ninh Bình
Nước sạch tiêu thụ	m^3	589.601	939.904	603.367	7.920	52.060	228.399
** Nước sinh hoạt*	m^3	50.955	140.444	-	7.920	13.870	80.129
** Nước dùng để sản xuất nước khử khoáng*	m^3	538.646	799.460	-	-	38.190	148.270
Nước chạy máy (thủy điện)	m^3	-	-	-	16.378.000.000	-	-
Nước mặt làm mát	m^3	805.400.408	1.102.530.000	1.012.521.430	5.759.050	-	51.802.559

V. TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Các quy định liên quan đến lĩnh vực môi trường đều được EVN*GENCO3* tuân thủ và triển khai đồng bộ nên không có vi phạm nào liên quan đến lĩnh vực môi trường trong năm 2023.

SỐ LẦN BỊ XỬ PHẠT VI PHẠM DO KHÔNG TUÂN THỦ LUẬT PHÁP VÀ CÁC QUY ĐỊNH VỀ MÔI TRƯỜNG: Không

TỔNG SỐ TIỀN DO BỊ XỬ PHẠT VI PHẠM DO KHÔNG TUÂN THỦ LUẬT PHÁP VÀ CÁC QUY ĐỊNH VỀ MÔI TRƯỜNG: 0 VNĐ

VI. CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

6.1. SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG, MỨC LƯƠNG TRUNG BÌNH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

• Tổng số CBCNV Tổng Công ty tính đến ngày 31/12/2023: 2.104 người

• Tổng Công ty thực hiện mức lương khởi điểm cho NLĐ đảm bảo không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng theo quy định pháp luật và không có sự khác biệt về mức lương theo giới tính.

6.2. CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG NHẰM ĐẢM BẢO SỨC KHỎE, AN TOÀN VÀ PHÚC LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

• EVN*GENCO3* đảm bảo chế độ đãi ngộ và lương thưởng xứng đáng với từng vị trí công việc; các chế độ phúc lợi như: bảo hiểm chăm sóc sức khỏe; tham quan nghỉ mát; chế độ làm việc linh hoạt; cơ hội học tập và phát triển trong/ngoài nước; không ngừng xây dựng môi trường làm việc bình đẳng, năng động, hấp dẫn - nơi nhân viên có thể tận tâm cống hiến trong sự phát triển bền vững của Tổng Công ty.

• Hằng năm Tổng Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cho tất cả CBCNV theo đúng quy định 01 lần/năm, người làm việc nặng nhọc độc hại được khám 6 tháng/1 lần. CBCNV quản lý, theo dõi tình trạng sức khỏe qua hệ thống HRMS, phân công công tác hợp lý, phù hợp với đặc thù, tính chất công việc.

• Là đơn vị tiên phong thực hiện bình đẳng giới tại nơi làm việc, năm 2023, EVN*GENCO3* vinh dự được cấp Chứng chỉ EDGE lần thứ hai, khẳng định những nỗ lực phát triển nguồn nhân lực bền vững thông qua việc thúc đẩy quyền năng kinh tế của phụ nữ tại Tổng Công ty.

• EVN*GENCO3* cam kết không phân biệt đối xử trên cơ sở chủng tộc, màu da, giới tính, tôn giáo, quan điểm chính trị, nguồn gốc quốc gia hoặc xuất thân xã hội. Trong năm 2023, không có vụ việc phân biệt đối xử xảy ra tại Tổng Công ty.

• EVN*GENCO3* cam kết không sử dụng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức, sử dụng lao động đúng theo độ tuổi pháp luật quy định.

6.3. HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO, PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Đào tạo nguồn nhân lực luôn là một trong những ưu tiên trọng tâm EVN*GENCO3* nhằm xây dựng đội ngũ nhân sự giàu năng lực, phẩm chất tốt, đáp ứng yêu cầu phát triển ngày càng cao của EVN*GENCO3*.

Năm 2023, EVN*GENCO3* tiếp tục chú trọng đào tạo gắn liền với nhiệm vụ SXKD, đặc biệt là các chương trình đào tạo chuyên sâu nhằm thay thế dần chuyên gia nước ngoài với các chương trình như: Hiệu chỉnh van hơi tuabin trên DCS, Phân tích chuẩn đoán phóng điện cục bộ với Máy phát điện, đào tạo kỹ thuật về tổ máy tuabin khí M701F, đào tạo nâng cao công tác quản lý vận hành và sửa chữa bảo dưỡng với IPSM,....; đào tạo gắn liền với lộ trình chuyển dịch năng lượng, nâng cao quản trị, đẩy mạnh đào tạo qua hệ thống E-learning với 74.068 lượt, ngoài ra đào tạo, tập huấn tập trung 15.179 lượt.

VII. BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

EVN*GENCO3* luôn tích cực thực thi trách nhiệm xã hội thông qua các chương trình cộng đồng ý nghĩa. Năm 2023 là năm thứ 9 EVN*GENCO3* hưởng ứng chương trình Tuần lễ hồng do EVN phát động với tổng số hơn 292 đơn vị máu đã được hiến tặng.

Bên cạnh các hoạt động an sinh xã hội thường niên, EVN*GENCO3* tiếp tục thực hiện tài trợ học bổng, chăm lo 47 em học sinh mồ côi, có hoàn cảnh khó khăn do Covid-19; hỗ trợ kinh phí xây dựng, sửa chữa phòng học cho 07 trường học, hỗ trợ kinh phí xây dựng và bàn giao 15 căn nhà tình thương, lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng năng lượng mặt trời tại các địa phương nơi đơn vị đứng chân... Tổng kinh phí ASXH năm 2023 là hơn 12 tỷ đồng.

CÙNG NHAU *TẠO* ***SỰ KHÁC BIỆT***

CÙNG NHAU ***TIẾN VỀ PHÍA TRƯỚC***

KHÁT VỌNG *CỐNG HIẾN*

EVN GENCO3

TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 - CTCP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

KỲ HỌP THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

TP Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 6 năm 2023

CHƯƠNG

3

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ
CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

I. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHUNG

Năm 2023 EVN*GENCO3* đã trải qua nhiều khó khăn và thách thức. Thị trường năng lượng bất ổn, sự đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu là những nhân tố tác động trực tiếp đến hoạt động của ngành điện. Giá nhiên liệu năm 2023 mặc dù có giảm so với năm 2022 nhưng vẫn duy trì ở mức cao. Bên cạnh đó, tỷ giá USD/VND năm 2023 đã tăng 2,91% so với năm 2022.

Trước những thử thách chưa từng có tiền lệ, toàn thể Ban Lãnh đạo và đội ngũ CBCNV EVN*GENCO3* đã đồng lòng đoàn kết, hết sức nỗ lực, khắc phục khó khăn để ổn định hoạt động SXKD và đảm bảo các tổ máy vận hành ổn định.

1.1. CÔNG TÁC QUẢN LÝ VẬN HÀNH SẢN XUẤT

• Các nhà máy đảm bảo vận hành ổn định, đáp ứng huy động của hệ thống điện với sản lượng điện toàn Tổng Công ty đạt 29,566 tỷ kWh. Đặc biệt trong giai đoạn cao điểm mùa khô (tháng 04-05/2023), nhờ đảm bảo nhiên liệu (than, dầu DO). Tổng Công ty thực hiện tốt và đạt 12/13 chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật theo kế hoạch được giao nhờ triển khai đồng bộ nhiều giải pháp giảm suất hao nhiệt của nhiệt điện than, giảm tỷ lệ điện tự dùng nhiệt điện than và thủy điện, nâng cao hệ số đáp ứng khối nhiệt điện than.

• Đặc biệt vào tháng 10/2023, Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ đã phát lũy kế lên lưới điện Quốc Gia 330 tỷ kWh và Công ty Nhiệt điện Mông Dương đã đạt cột mốc 50 tỷ kWh điện.

1.2. DỊCH VỤ KỸ THUẬT, SỬA CHỮA BẢO DƯỠNG

• Công tác sửa chữa bảo dưỡng đã hoàn thành an toàn, đạt chất lượng, đúng tiến độ, góp phần đảm bảo công tác sản xuất điện. Tổng Công ty đã thực hiện tốt các công trình sữa lớn cho khách hàng trong và ngoài EVN. Điển hình là hoàn thành tốt một số công trình SCL ngoài EVN*GENCO3* như đại tu các tổ máy của các Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 3, Quảng Ninh, Phả Lại...

• Trong năm, Tổng Công ty cũng thực hiện ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa và vận hành Nhà máy điện LNG Hiệp Phước giai đoạn 1, công suất 1200 MW cho Công ty TNHH Điện lực Hiệp Phước và chuẩn bị các điều kiện cho công tác tiếp nhận, quản lý vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng NMĐ Phú Mỹ 3 BOT.

1.3. CÔNG TÁC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Trong năm 2023, EVN*GENCO3* đã hoàn thành lập Hồ sơ nghiên cứu mở rộng thủy điện Srêpốk 3 và Buôn Kuốp, Dự án NMĐ linh hoạt tại Ninh Bình và trình cấp có thẩm quyền xem xét thông qua chủ trương nghiên cứu phát triển thí điểm Dự án Điện gió ngoài khơi theo chủ trương của Chính phủ.

1.4. CÔNG TÁC TÀI CHÍNH

• Tổng Công ty tối ưu hoá hiệu suất sử dụng nguồn vốn để phục vụ các kế hoạch và chiến lược đề ra, đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất kinh doanh và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Ngân sách Nhà nước.

• Bộ phận Tài chính tiếp tục duy trì hiệu quả trong công tác dự báo và lập gửi UBCKNN. Các báo cáo được lập theo đúng quy định của Nhà nước; công bố thông tin định kỳ/ bất thường gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và HOSE theo quy định. Các thông tin tài chính được cung cấp phản ánh kịp thời và đầy đủ tình hình hoạt động của Tổng Công ty.

1.5. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC VÀ XÂY DỰNG VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

• Với triết lý **"Lấy con người là trọng tâm"** EVN*GENCO3* chú trọng xây dựng đội ngũ nhân sự giàu năng lực, đảm bảo nguồn nhân lực bền vững làm nền tảng vững chắc cho những bước chuyển mình mạnh mẽ của Tổng Công ty trên hành trình hội nhập toàn cầu; luôn chú trọng phát triển trí lực song hành với phát triển thể lực; chủ động triển khai các chương trình đào tạo phát triển nguồn nhân lực để **"đi trước một bước"**, trong đó **"tinh thần khai phóng"** là nét chủ đạo trong các khóa học tập và đào tạo kỹ năng mềm với tiêu chí **"thấu hiểu để được hiểu"**; luôn chú trọng phát triển trí lực song hành với phát triển thể lực.

• EVN*GENCO3* tăng cường phát triển và nâng cao hiệu quả thực thi văn hóa doanh nghiệp, kiến tạo những giá trị mới để ngày càng phát triển nâng tầm thương hiệu trong tương lai.

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

2.1. TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Tại thời điểm 31/12/2023, quy mô tài sản của EVN*GENCO3* đạt hơn 58.841 tỷ đồng, trong đó tài sản ngắn hạn là 16.977 tỷ đồng, tài sản dài hạn là 41.864 tỷ đồng, chiếm 71,15% trong tổng tài sản, trong đó, chủ yếu là tài sản cố định với giá trị còn lại là 37.113 tỷ đồng, do EVN*GENCO3* là Công ty sản xuất điện, nên TSCĐ chiếm tỷ trọng lớn.

2.2. TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả tại 31/12/2023 là 43.070 tỷ đồng gồm: nợ ngắn hạn là 11.480 tỷ đồng, nợ dài hạn là 31.590 tỷ đồng, chiếm 73,35% trong cơ cấu nợ phải trả. Trong đó, riêng nợ vay là 36.010 tỷ đồng, giảm 4.489 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Liên tục trong các năm vừa qua, EVN*GENCO3* nỗ lực giảm các khoản nợ vay, hệ số nợ/vốn chủ sở hữu tại 31/12/2023 là 2,73 lần (< 3 lần so với quy định)

3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Năm 2023, EVN*GENCO3* tiếp tục hoàn thiện tái cơ cấu Tổng Công ty, tinh gọn bộ máy, tinh gọn hệ thống quy định, quy trình để tăng năng suất, hiệu quả.

Trong công tác chuyển đổi số, EVN*GENCO3* đã có nhiều cải tiến trong tất cả hoạt động quản lý sản xuất kinh doanh bao gồm: sử dụng hiệu quả các phần mềm quản trị, điều hành, chương trình giám sát vận hành từ xa các tổ máy RMS; ứng dụng chữ ký số, nhật ký vận hành điện tử, nâng cấp hệ thống cảnh báo xả lũ vùng hạ du các nhà máy thủy điện; xây dựng và triển khai áp dụng hệ thống workflow, triển khai nâng cấp phần mềm Elogbook tại các nhà máy điện, đưa vào sử dụng hệ thống chuẩn mã hóa vật tư và kho vật tư thông minh.

4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN 2024

4.1. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

Năm 2024 nền kinh tế thế giới được dự báo tiếp tục phải đối mặt với nhiều thách thức, chủ yếu do lạm phát, xung đột địa chính trị và biến đổi khí hậu. Ngành điện cũng chịu tác động bởi những diễn biến phức tạp, khó lường của thị trường năng lượng toàn cầu. Bên cạnh đó, xu hướng chuyển dịch năng lượng cũng được đẩy mạnh tại các quốc gia vừa nhằm đảm bảo an ninh năng lượng vừa giảm thiểu những tác động tiêu cực đến môi trường. Năng lượng tái tạo, năng lượng sạch và xanh đang trở thành hy vọng cho việc thực hiện mục tiêu trung hòa khí nhà kính đến năm 2050.

Tại Việt Nam, tăng trưởng kinh tế được nhận định sẽ phục hồi mạnh mẽ hơn trong năm 2024 với mức GDP mục tiêu khoảng 6 - 6,5%. Trước tình hình trên, Bộ Công thương đã ban hành Quyết định số 3110/QĐ-BCT ngày 30/11/2023 phê duyệt Kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện quốc gia năm 2024. Theo kế hoạch, tổng sản lượng điện sản xuất từ các nhà máy phát điện và nhập khẩu năm 2024 đạt 306,3 tỷ kWh, tăng khoảng 10% so với năm 2023. Các nguồn điện than, thuỷ điện và điện khí vẫn đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo cấp điện cho hệ thống điện quốc gia, trong khi đó điện tái tạo sẽ được huy động theo nhu cầu phụ tải điện và khả năng hấp thụ của lưới điện.

Theo đó, việc vận hành hệ thống điện trong các tháng cao điểm nắng nóng (tháng 4, tháng 5, tháng 6 và tháng 7) sẽ phải đối mặt với nhiều thách thức, khó khăn, nhất là đối với hệ thống điện miền Bắc.

4.2. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

Căn cứ vào kết quả kinh doanh của EVN*GENCO3* trong năm 2023 và những năm qua cùng các cơ sở dự báo, Tổng Công ty đặt ra các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2024 như sau:

• Giữ vững sản xuất điện; tập trung mọi nguồn lực đảm bảo đảm bảo cung cấp điện an toàn, liên tục, hiệu quả; đảm bảo nhiên liệu đáp ứng yêu cầu sản xuất; thực hiện đồng bộ các giải pháp về quản lý và kỹ thuật để nâng cao độ tin cậy, an toàn trong vận hành, nâng cao hiệu suất của các nhà máy.

• Các nhà máy thủy điện chủ động đảm bảo an toàn hồ đập, điều tiết nước về hạ du theo đúng quy trình, khai thác nước hiệu quả, duy trì mực nước hồ cao đảm bảo sản xuất điện trong mùa khô năm 2024.

• Đồng thời, Tổng Công ty tiếp tục nghiên cứu, xúc tiến hợp tác đầu tư các dự án nguồn điện mới, nỗ lực chuyển dịch năng lượng sang hướng năng lượng sạch.

• Nâng cao công tác quản trị, quản lý, sử dụng linh hoạt và hiệu quả nguồn vốn; thực hiện các biện pháp tiết kiệm chi phí trong sản xuất và đầu tư xây dựng, giảm suất tiêu hao nhiên liệu, giảm điện tự dùng, tiết giảm chi phí sửa chữa lớn của các nhà máy.

• Đẩy mạnh công tác đầu tư xây dựng, phát triển dịch vụ sửa chữa, chú trọng đào tạo nguồn lực, ứng dụng mạnh mẽ chuyển đổi số và thúc đẩy công tác tái cơ cấu.

• Thực thi đầy đủ trách nhiệm xã hội, đồng hành bền vững cùng cộng đồng.

5. GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN: Không có

6. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA TỔNG CÔNG TY

6.1. ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

BẢNG THÔNG SỐ CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Chỉ tiêu	Đơn vị	Khối lượng
Nước sạch tiêu thụ	m^3	2.140.792
Nước mặt làm mát	m^3	2.926.210.888
Tiêu thụ năng lượng (Điện tự dùng các đơn vị hạch toán phụ thuộc)	kWh	1.371.663.489
Tổng lượng khí thải	triệu m^3	72.877
Tổng lượng nước thải	m^3	130.204.024
Chất thải rắn thông thường	tấn	41.059
Tro xỉ nhiệt điện than	tấn	2.325.450
Chất thải nguy hại	tấn	547

Các nhà máy điện của EVN*GENCO3* tuân thủ nghiêm các tiêu chuẩn về an toàn, sức khỏe cũng như các quy định và yêu cầu của cơ quan chức năng về công tác bảo vệ môi trường, không để xảy ra sự cố có liên quan đến môi trường hay có các hành vi vi phạm về môi trường dẫn đến bị xử phạt. Tổng Công ty đã và đang ưu tiên đầu tư các công nghệ mới góp phần sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả; có các biện pháp xử lý chất thải giảm thiểu ô nhiễm ra môi trường.

Tổng Công ty luôn kiểm soát chặt chẽ các khâu xử lý nước thải, chất thải, các chỉ số quan trắc đều trong giới hạn tiêu chuẩn. Tỷ lệ tiêu thụ tro, xỉ phát sinh của các nhà máy nhiệt điện than năm 2023 tiếp tục đạt mức cao.

6.2. ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Nguồn nhân lực được xác định là nền tảng tạo nên sự thành công của EVN*GENCO3* đồng thời là bệ phóng để tập thể EVN*GENCO3* cùng nhau tạo nên những giá trị mới và khác biệt trên hành trình phát triển bền vững của Tổng Công ty.

EVN*GENCO3* luôn đảm bảo chính sách nhân sự đa dạng, bình đẳng và hòa nhập. Đồng thời, không phân biệt giới tính trong các chính sách cũng như chế độ phúc lợi của Tổng Công ty.Tham gia đánh giá và đạt chứng chỉ Bình đẳng giới toàn cầu là sự khẳng định cho quyết tâm của EVN*GENCO3* trong quá trình xây dựng một môi trường làm việc bình đẳng thực chất về giới, hướng đến sự phát triển bền vững của TCT dựa vào những lợi ích mà một môi trường làm việc bình đẳng mang lại.

Trong năm 2023, EVN*GENCO3* đã thực hiện chi trả tiền lương, tiền thưởng, tiền làm thêm giờ, các khoản phụ cấp khác theo quy chế quản lý tiền lương, tiền thưởng phù hợp quy định của Pháp luật và đặc trưng của Tổng Công ty; thực hiện tốt chế độ BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của Nhà nước; đồng thời tích cực triển khai các chương trình phúc lợi, các hoạt động chăm lo tinh thần cho tập thể CBCNV của Tổng Công ty.

Bên cạnh đó, EVN*GENCO3* cũng chú trọng thực hiện chính sách đào tạo nhân tài nội bộ, phát triển nguồn nhân lực số, không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức cho đội ngũ CBCNV, mở rộng nguồn nhân lực tuyển dụng, phát triển đội ngũ kế thừa.

6.3. ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

EVN*GENCO3* ý thức sâu sắc sự phát triển bền vững của Tổng Công ty phải gắn liền với lợi ích của xã hội. Trong suốt quá trình hoạt động TCT, EVN*GENCO3* luôn thực hiện đầy đủ trách nhiệm với xã hội và cộng đồng thông qua tạo việc làm ổn định, bền vững cho người lao động; góp phần phát triển kinh tế địa phương; hoàn thành tốt nghĩa vụ đóng thuế cho nhà nước; đồng hành với địa phương thực hiện tốt công tác an sinh xã hội với tinh thần trách nhiệm rất cao.

Năm 2023, Nộp ngân sách Nhà nước của EVN*GENCO3* đạt 1.788 tỷ đồng. Tổng Công ty Phát điện 3 là 1 trong 138 doanh nghiệp được biểu dương về những đóng góp tích cực cho nguồn thu ngân sách nhà nước trong giai đoạn 2020 - 2022 tại Hội nghị do Bộ Tài chính và Tổng cục Thuế tổ chức vào ngày 20/10/2023.

TCT đã tích cực, chủ động trong việc triển khai các hoạt động an sinh xã hội, tập trung vào các hoạt động hỗ trợ giáo dục như xây dựng, sửa chữa, ủng hộ kinh phí cho trường học; hỗ trợ xây nhà tình nghĩa/ nhà Đại đoàn kết. Tổng kinh phí thực hiện ASXH của Tổng Công ty đạt khoảng 12 tỷ đồng.

II. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Căn cứ theo Nghị quyết số 66/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/06/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của EVNGENCO3, dưới sự lãnh đạo sát sao của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, toàn thể CBCNV Tổng Công ty Phát điện 3 đã nỗ lực thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 ,cụ thể như sau:

1.3. CÔNG TÁC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

• Trong công tác đầu tư xây dựng, dựa trên Quy hoạch Điện VIII, Tổng công ty đã hướng đến đầu tư năng lượng sạch, bao gồm tìm kiếm cơ hội hợp tác nhiên liệu khí hóa lỏng - LNG cho vận hành các nhà máy điện tuabin khí; thực hiện ký kết thỏa thuận hợp tác phát triển điện gió ngoài khơi; chuyển đổi nhiên liệu sinh khối và gia tăng tuổi thọ, thân thiện với môi trường cho các nhà máy điện.

• EVN*GENCO3* cũng tiếp tục nghiên cứu, xúc tiến triển khai các dự án nguồn điện, trụ sở Tổng Công ty.

1.1. CÔNG TÁC QUẢN LÝ KỸ THUẬT

• Tổng Công ty thực hiện đạt hầu hết các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật theo kế hoạch trong đó nhiều chỉ tiêu đã có cải thiện rất tốt như: tỷ lệ điện tự dùng, suất hao nhiên liệu, tỷ lệ dừng máy sự cố.

• Các nhà máy điện của Tổng công ty vận hành an toàn, ổn định trong năm 2023, công tác bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy điện được thực hiện theo tiến độ kế hoạch, đảm bảo độ khả dụng của các nhà máy.

1.2. CÔNG TÁC TÀI CHÍNH

• Trong năm 2023, EVN*GENCO3* đã thực hiện tốt công tác quản trị dòng tiền, đảm bảo việc huy động, quản lý, sử dụng vốn an toàn, hiệu quả, linh hoạt và đúng mục đích; thường xuyên giám sát, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn của Tổng Công ty.

1.4. CÔNG TÁC TỔ CHỨC NHÂN SỰ, ĐÀO TẠO, LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG

• Tại EVN*GENCO3*, con người được xem là tài sản quý giá nhất, do đó nguồn nhân lực của EVN*GENCO3* luôn được quan tâm đào tạo, phát triển ngày càng chất lượng với tinh thần làm việc tiên phong, trách nhiệm, nhiệt huyết, sáng tạo. Tổng Công ty thường xuyên nâng cao năng lực cho người lao động qua những lớp đào tạo, cử nhân sự tham dự các Hội thảo chuyên nghiệp theo định hướng chiến lược phát triển năng lượng sạch.

• Công tác quản lý lương, thưởng và chế độ chính sách được thực hiện theo đúng quy định. Tổng công ty chú trọng xây dựng môi trường làm việc ngày càng văn minh, hiện đại, tiếp tục nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, đem lại sự chăm sóc toàn diện cho tập thể CBCNV.

• Tổng Công ty 2 lần liên tiếp được Tổ chức EDGE Certified Foundation (Thụy Sỹ) cấp chứng chỉ Bình đẳng giới toàn cầu.

1.5. CÔNG TÁC QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

• Năm 2023, EVN*GENCO3* đảm bảo công tác quản trị công ty cổ phần đại chúng niêm yết trên sàn HOSE, đã thực hiện tốt hoạt động kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, triển khai các giải pháp đảm bảo sản xuất điện, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, chủ động, linh hoạt trong hoạt động quản trị điều hành.

• Tổng Công ty tiếp tục thực hiện chuyển đổi số, tăng cường đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ nhằm thực hiện công tác quản trị thêm hiệu quả và chuyên nghiệp.

1.7. CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI SỐ

• EVN*GENCO3* tập trung thực hiện kế hoạch chuyển đổi số trên các lĩnh vực quản trị, quản lý kỹ thuật, đầu tư xây dựng, quản lý dự án, công nghệ thông tin và viễn thông. Tiêu biểu như ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để khai thác kho dữ liệu tập trung, phân tích trích xuất thông tin tự động; Xây dựng hệ thống quản lý công tác vận hành - sửa chữa các Nhà máy điện trên thiết bị Mobile; Hoàn thiện hệ thống quan trắc thủy văn, kết hợp bản tin dự báo thời tiết các lưu vực và ứng dụng AI phục vụ cho công tác quản lý vận hành các hồ chứa, nhà máy và cảnh báo lũ cho vùng hạ du các Nhà máy Thủy điện. Đồng thời, tăng cường các giải pháp an ninh bảo mật trong điều kiện các hoạt động công tác của Tổng Công ty diễn ra trên môi trường mạng...

• Các sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất được đẩy mạnh và ứng dụng có hiệu quả trong thực tiễn sản xuất.

1.6. CÔNG TÁC AN TOÀN, SỨC KHỎE, MÔI TRƯỜNG

• EVN*GENCO3* nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của Nhà nước, các Bộ, ngành, EVN về việc đo kiểm tra môi trường lao động, định kỳ đo kiểm và đánh giá, các chỉ số đều trong tiêu chuẩn cho phép; định kỳ quản lý, chăm sóc sức khỏe người lao động.

• EVN*GENCO3* đã phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức các đợt tập huấn, nâng cao kiến thức về an toàn vệ sinh lao động, thường xuyên tuyên truyền về công tác an toàn vệ sinh lao động cho toàn thể cán bộ công nhân viên trong Tổng Công ty.

1.8. ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

• EVN*GENCO3* đã và đang triển khai thực thi các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với lĩnh vực biến đổi khí hậu, như kiểm soát chặt chẽ và nâng cao chất lượng nhiên liệu đầu vào, thực hiện các giải pháp kỹ thuật để tối ưu hóa các quá trình sản xuất, hạn chế tối đa lưu lượng khói thải phát thải cũng như nồng độ các chất khí gây ô nhiễm, các khí gây hiệu ứng nhà kính.

• Song hành với bảo vệ môi trường, trách nhiệm xã hội cũng là một trong những trọng tâm phát triển của EVN*GENCO3*. Trong năm 2023, EVN*GENCO3* cũng tích cực thực hiện nhiều chương trình an sinh xã hội với tổng giá trị thực hiện khoảng 12 tỷ đồng, qua đó khẳng định là doanh nghiệp có trách nhiệm với cộng đồng.

II. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY *(TIẾP THEO)*

2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

VỀ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

• HĐQT định hướng các nhiệm vụ trọng tâm, các chủ trương lớn trong mọi hoạt động của Tổng Công ty, đồng thời quyết liệt trong chỉ đạo, kịp thời giải quyết những nội dung trọng tâm, nhiệm vụ cấp bách cũng như có định hướng dài hạn để đảm bảo các hoạt động TCT; thực hiện nhiệm vụ một cách cẩn trọng, các nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua và ban hành đều trên cơ sở thống nhất cao (tỷ lệ 100%) của các thành viên HĐQT; thường xuyên duy trì việc kiểm tra, kiểm toán, giám sát đối với các hoạt động của Ban Điều hành, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ ĐHĐCĐ giao.

• HĐQT sử dụng bộ máy tham mưu giúp việc trong Tổng Công ty đảm bảo các công việc trong Tổng Công ty tuân thủ theo đúng chức năng, nhiệm vụ tại Điều lệ, các Quy chế quản lý nội bộ và các quy định của pháp luật liên quan.

• Tham gia các cuộc họp giao ban tuần, tháng; theo dõi sát sao các hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị trong Tổng Công ty, kịp thời chỉ đạo đảm bảo các chỉ tiêu được ĐHĐCĐ giao.

• Chỉ đạo và phối hợp với Ban Điều hành trong việc điều hành thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

• Ban Tổng Giám đốc đã tổ chức triển khai và điều hành các hoạt động SXKD-TC-ĐTXD trong TCT kịp thời, hiệu quả theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định Điều lệ TCT, thực hiện các công việc theo đúng phân cấp và các chỉ đạo của HĐQT.

• Điều hành của Ban Tổng Giám đốc nhất quán với định hướng của Hội đồng Quản trị và luôn bám sát thực tiễn, sáng tạo, chủ động tháo gỡ khó khăn và tạo được lợi nhuận ở mức tốt nhất. Có các biện pháp tích cực nâng cao hoạt động quản lý - vận hành thể hiện qua các quy định được ban hành.

3. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT nhận định nền kinh tế toàn cầu bước vào năm 2024 với nhiều rủi ro tiềm ẩn và biến động khó lường (tỷ giá, nhiên liệu, địa chính trị...); sự thay đổi về phương thức điều hành thị trường điện cũng sẽ tác động đến các hoạt động SXKD của Tổng Công ty. Bên cạnh đó, xu thế chuyển dịch năng lượng sang nguồn năng lượng sạch đòi hỏi những chính sách và chiến lược có tầm nhìn lâu dài. Với tình hình trên, để kế hoạch sản xuất kinh doanh 2024 được triển khai hiệu quả và thành công, Hội đồng Quản trị Công ty định hướng các nhiệm vụ trọng tâm như sau:

• Chỉ đạo triển khai thành công các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh theo nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2024

• Đảm bảo công tác sản xuất điện an toàn, tin cậy, kinh tế, đáp ứng phương thức huy động của hệ thống điện Quốc gia, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

• Thúc đẩy hợp tác, đầu tư xây dựng dự án nhà máy điện linh hoạt, các điện gió trên đất liền, ngoài khơi, các dự án thủy điện mở rộng, vừa và nhỏ.

• Triển khai mạnh mẽ, hiệu quả kế hoạch chuyển đổi số toàn diện, tăng cường ứng dụng khoa học và công nghệ 4.0 trong quản lý, điều hành và kiểm soát hệ thống nhằm nâng cao tính minh bạch, công khai và hiệu quả trong công tác quản trị doanh nghiệp.

• Tiếp tục đổi mới, kiện toàn cơ cấu tổ chức, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

• Tăng cường hợp tác quốc tế (đặc biệt trong phát triển các Dự án nguồn điện và tài chính), nỗ lực chuyển dịch năng lượng sang hướng năng lượng xanh, sạch, nâng cao trách nhiệm của doanh nghiệp trong lĩnh vực môi trường - xã hội, vì sự phát triển bền vững của doanh nghiệp và cộng đồng.

• Chủ động và đảm bảo công tác tiếp nhận và thực hiện dịch vụ O&M NMĐ BOT Phú Mỹ 3 và Phú Mỹ 2.

VƯƠN TẦM CAO MỚI

EVN*GENCO3* TỰ TIN VÀO NĂNG LỰC NỘI TẠI
KHẢ NĂNG BỨT PHÁ, PHÁT TRIỂN VƯỢT BẬC, VƯƠN TẦM CAO MỚI

CHƯƠNG

6

QUẢN TRỊ CÔNG TY

I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức danh	Số lượng cổ phần đại diện và cá nhân sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	**Ông Đinh Quốc Lâm**	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	445.810.312	39,68%
2	**Ông Lê Văn Danh**	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	334.449.543	29,77%
3	**Bà Nguyễn Thị Hải Yến**	Thành viên HĐQT	167.174.933	14,88%
4	**Ông Nguyễn Minh Khoa**	Thành viên HĐQT	167.170.169	14,88%
5	**Ông Đỗ Mộng Hùng**	Thành viên độc lập HĐQT	0	0%

(Thông tin chi tiết xin xem thêm ở phần V Chương 2 báo cáo này)

2. CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo dưới sự chỉ đạo, điều hành của Chủ tịch HĐQT, không thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT.

3. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2023

HĐQT hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và tình hình thực tế của Tổng Công ty để lãnh đạo Tổng Công ty hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.

HĐQT thường xuyên theo dõi, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông đã đề ra nhằm giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT.

4. CÁC CUỘC HỌP HĐQT TRONG NĂM 2023

Trong năm 2023, HĐQT đã tổ chức 17 cuộc họp HĐQT có sự tham dự của Ban Kiểm soát với tư cách là giám sát viên. HĐQT EVN*GENCO3* đã tổ chức thực hiện/chỉ đạo và ban hành 40 Nghị quyết để giải quyết các vấn đề trọng tâm, chủ trương, kế hoạch và công tác quản trị của Tổng Công ty. Bên cạnh đó, HĐQT cũng ban hành các Nghị quyết, quyết định, văn bản để thông qua các kiến nghị của Ban điều hành và/hoặc chỉ đạo các công việc có tính chất định kỳ trong hoạt động của Tổng Công ty.

Theo Báo cáo ghi nhận sự tham gia của các thành viên HĐQT tại các cuộc họp HĐQT cho năm 2023 như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	**Ông Đinh Quốc Lâm**	17	100%	-
2	**Ông Lê Văn Danh**	17	100%	-
3	**Bà Nguyễn Thị Hải Yến (*)**	10	100%	-
4	**Ông Nguyễn Minh Khoa**	17	100%	-
5	**Ông Đỗ Mộng Hùng**	17	100%	-

(*) Bà Nguyễn Thị Hải Yến tham dự các cuộc họp HĐQT từ ngày 15/06/2023 (sau khi được ĐHĐCĐ thường niên 2023 bầu giữ chức vụ Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023 - 2028)

5. HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT

Thực hiện theo đúng chức trách, nhiệm vụ của Thành viên HĐQT quy định tại Điều lệ Tổng Công ty. Trong năm, phối hợp HĐQT ban hành các chủ trương, định hướng và/hoặc giải quyết các kiến nghị của Ban Điều hành (thông qua các cuộc họp HĐQT và lấy ý kiến bằng văn bản) đảm bảo các hoạt động của Tổng Công ty.

6. ĐÀO TẠO QUẢN TRỊ

Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:
Không có

II. BAN KIỂM SOÁT

1. THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên BKS	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	**Ông Phạm Hùng Minh**	Trưởng Ban Kiểm soát	0%
2	**Ông Đậu Đức Chiến**	Thành viên Ban Kiểm soát	0%
3	**Bà Vũ Hải Ngọc**	Thành viên Ban Kiểm soát	0%

(Thông tin chi tiết xin xem thêm ở phần V chương 2 báo cáo này)

2. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

2.1. CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2023, Ban Kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp đồng thời thường xuyên trao đổi nội bộ để thống nhất nội dung các báo cáo giám sát. Các thành viên Ban Kiểm soát đều tích cực tham gia đầy đủ các cuộc họp Ban Kiểm soát.

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ	Ghi chú
1	**Phạm Hùng Minh**	Trưởng Ban Kiểm soát	27/9/2018	4/4	100	
2	**Đậu Đức Chiến**	Thành viên Ban Kiểm soát	27/9/2018	4/4	100	
3	**Vũ Hải Ngọc**	Thành viên Ban Kiểm soát	27/9/2018	4/4	100	

● CÁC CUỘC HỌP CỤ THỂ NHƯ SAU:

STT	Ngày họp	Nội dung	Kết quả
1	**21/4/2023**	Thống nhất kết quả kiểm soát, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 81/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14/06/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	100% thống nhất
2	**05/7/2023**	Họp sơ kết 6 tháng đầu năm 2023	100% thống nhất
3	**29/8/2023**	Họp chuẩn bị triển khai thực hiện kiểm soát các mặt hoạt động tại CTNĐ Vĩnh Tân	100% thống nhất
4	**22/12/2023**	Họp tổng kết công tác kiểm soát năm 2023 và thống nhất kế hoạch kiểm soát năm 2024	100% thống nhất

2.2. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG

• Thường xuyên theo dõi, kiểm soát việc chấp hành chế độ, chính sách, pháp luật của Nhà nước, việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị và các Quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty. Kết quả, Tổng Công ty chấp hành tốt chế độ, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị và các Quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty.

• Thường xuyên nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, các Công ty con và Công ty liên kết.

• Giám sát Tổng Công ty và các Công ty con trong việc công bố thông tin theo quy định.

• Kiểm soát, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 81/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14/06/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, thời gian thực hiện từ ngày 17/04 đến ngày 21/04/2023.

• Lập báo cáo của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 (thực hiện vào tháng 04 và tháng 05 năm 2023).

• Thẩm định báo cáo quyết toán quỹ tiền lương sản xuất điện năm 2022 của Tổng Công ty (thực hiện vào tháng 03 năm 2023).

• Thẩm định báo cáo tài chính năm 2022 của Tổng Công ty (thực hiện vào tháng 03 năm 2023) và thẩm định BCTC giữa niên độ năm 2023 (thực hiện vào tháng 08 năm 2023).

• Thẩm định kế hoạch tiền lương năm 2023 của Tổng Công ty (thực hiện vào tháng 05 năm 2023).

• Thực hiện kiểm soát các mặt hoạt động tại Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân theo kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua (thực hiện từ ngày 11-20/09/2023).

• Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty một cách trung thực, thận trọng vì lợi ích của Tổng Công ty và cổ đông.

2.3. SỰ PHỐI HỢP GIỮA BKS VỚI HĐQT, BTGĐ VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

• HĐQT Tổng Công ty đã cung cấp kịp thời, đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT cho Ban Kiểm soát; Tổng Giám đốc đã tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát trong việc thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty khi có yêu cầu.

• Hội đồng quản trị Tổng Công ty, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của Tổng Công ty đã có mối quan hệ phối hợp chặt chẽ trong việc thực hiện nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao.

Nhận xét chung: Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các Ban, các Đơn vị thành viên trong Tổng Công ty để Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao.

2.4. HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA BKS

• Chủ trì và phối hợp Ban Kiểm toán nội bộ và giám sát tài chính Tổng công ty tổ chức giám sát Công ty TNHH PwC Việt Nam thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Tổng Công ty (đã thực hiện trong năm 2022 và tháng 01, tháng 02 năm 2023).

• Chủ trì và phối hợp Ban Kiểm toán nội bộ và giám sát tài chính Tổng Công ty tổ chức giám sát Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2023 (thực hiện trong tháng 07/2023); và giám sát công tác kiểm kê tài sản cố định, hàng tồn kho và công cụ dụng cụ tại các đơn vị vào cuối tháng 12/2023.

• Họp thống nhất kết quả kiểm soát, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 81/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14/06/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 (ngày 21/04/2023).

• Họp sơ kết 6 tháng đầu năm 2023 vào ngày 05/07/2023.

• Họp chuẩn bị triển khai thực hiện kiểm soát các mặt hoạt động tại CTNĐ Vĩnh Tân vào ngày 29/08/2023.

• Họp tổng kết công tác kiểm soát năm 2023 và thống nhất kế hoạch kiểm soát năm 2024 vào ngày 22/12/2023.

• Tham gia các khóa đào tạo, tập huấn hàng năm về nghiệp vụ Kiểm toán nội bộ, giám sát tài chính và kiểm soát tuân thủ do cổ đông Tập đoàn Điện lực Việt Nam tổ chức.

• Tham dự các phiên họp của HĐQT và các cuộc họp giao ban hàng tuần, hàng tháng của Tổng Công ty.

3. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2024

• Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty một cách trung thực, thận trọng vì lợi ích của TCT và cổ đông.

• Dự kiến thực hiện giám sát tình hình quản lý hàng tồn kho đối với VTTB tại các đơn vị của EVN*GENCO3*

III. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

1. LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BKS

Xem báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 sau kiểm toán tại chương 7.

2. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng giảm
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
1	Công đoàn Tổng Công ty Phát điện 3	Tổ chức đoàn thể	99.600	0,009%	0	0,000%	Thưởng cổ phiếu cho Người lao động trong Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP nhân dịp kỷ niệm 10 năm thành lập. Đã thực hiện Báo cáo kết quả giao dịch tại BC số 66/BC-CĐGENCO3 ngày 07/4/2023

3. HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ: Không có

IV. HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Năm 2023, Tổng Công ty thực hiện bản tin nhà đầu tư định kỳ hàng tháng để cung cấp thông tin tình hình sản xuất - kinh doanh đến các nhà đầu tư và được đăng tải trên website https://www.genco3.com/quan-he-nha-dau-tu/ban-tin-nha-dau-tu.

Bộ phận quan hệ nhà đầu tư của TCT cũng sẵn sàng giải đáp các thắc mắc cũng như ghi nhận những thông tin phản hồi từ phía cổ đông và nhà đầu tư.

Trong năm, EVN*GENCO3* tham gia chương trình gặp mặt nhà đầu tư do CTCP Chứng khoán SSI, VCBS tổ chức.

V. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Trong năm 2023, EVN*GENCO3* đã tuân thủ tất cả các quy định trọng yếu của Pháp luật có liên quan đến Quản trị Công ty nói chung cũng như các quy định quản trị đối với Công ty niêm yết. Ngoài ra, Công ty cũng luôn nỗ lực nâng cao chất lượng quản trị theo tiêu chuẩn quốc tế thông qua việc áp dụng và ngày càng bám sát các tiêu chí Thẻ điểm Quản trị Công ty khu vực ASEAN; đồng thời đẩy mạnh chuyển đổi số, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ nhằm hoàn thiện quy trình Quản trị Công ty theo hướng hiện đại, khoa học, hiệu quả.

2. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUẢN TRỊ CÔNG TY DỰA TRÊN THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN

● MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG CỦA TỔNG CÔNG TY THAM CHIẾU VỚI THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN

	THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN	MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG CỦA EVN*GENCO3*
A	**Đối xử bình đẳng với cổ đông**	Đáp ứng tốt
B	**Đảm bảo tất cả các quyền của cổ đông**	Đáp ứng tốt
C	**Đảm bảo quyền và vai trò của các bên liên quan**	Đáp ứng tốt
D	**Công bố và minh bạch thông tin**	Đáp ứng tốt
E	**Tăng cường trách nhiệm của HĐQT đối với cổ đông**	Đáp ứng tốt

Dưới đây là thông tin chi tiết về quản trị công ty của EVN*GENCO3* trong năm 2023 tham chiếu với các tiêu chí Thẻ điểm Quản trị công ty khu vực ASEAN:

STT	Tiêu chí Thẻ điểm Quản trị công ty khu vực ASEAN	Mức độ đáp ứng của EVN*GENCO3*
A	**ĐẢM BẢO TẤT CẢ CÁC QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG**	
Năm 2023, EVN*GENCO3* đã đảm bảo quyền cho tất cả các cổ đông, nhà đầu tư bao gồm cả quyền lợi về tài chính, quyền tiếp cận thông tin và tham gia vào một số quyết định quan trọng của Tổng Công ty.		
A.1	**Quyền cơ bản của cổ đông:** **• Quyền tham dự họp ĐHĐCĐ** **• Quyền nhận cổ tức**	**Quyền tham dự họp ĐHĐCĐ:** Ngày 15/6/2023, tại TP. Hồ Chí Minh, Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP (EVN*GENCO3*), mã chứng khoán PGV đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023. Đến dự Đại hội có đại diện Lãnh đạo Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), các công ty chứng khoán và quỹ đầu tư, các nhà đầu tư tiềm năng trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, Hội đồng Quản trị (HĐQT), Ban Lãnh đạo EVN*GENCO3*, Ban Kiểm soát, lãnh đạo các ban, các đơn vị thành viên của Tổng Công ty và 59 cổ đông được ủy quyền đại diện cho 1.115.547.520 cổ phần, tương đương 99,3% trên tổng số cổ phần của Tổng Công ty. **Quyền nhận cổ tức:** Tại ĐHĐCĐ thường niên 2023 thông qua tỷ lệ chi trả tức cổ tức bằng tiền 20%, EVN*GENCO3* đã thực hiện chi trả đầy đủ cổ tức theo đúng quy định của pháp luật về thủ tục và thời gian chi trả. Cụ thể: tạm ứng với tỷ lệ 5,5% ngày 10/02/2023, chi trả cổ tức còn lại năm 2022 với tỷ lệ 14,5% ngày 05/10/2023. Ngoài ra TCT chi trả cổ tức từ hoàn nhập Quỹ đầu tư phát triển tỷ lệ 2,6% và tạm ứng cổ tức năm 2023 tỷ lệ 6,66% ngày 04/3/2024..

STT	Tiêu chí Thẻ điểm Quản trị công ty khu vực ASEAN	Mức độ đáp ứng của EVN*GENCO3*
A	**ĐẢM BẢO TẤT CẢ CÁC QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG (tiếp theo)**	
A.2	**Quyền tham gia vào các quyết định liên quan đến những thay đổi quan trọng của công ty**	Trong năm 2023, EVN*GENCO3* không có sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
A.3	**Quyền tham gia một cách hiệu quả và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, và phải được thông tin về quy định họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm cả thủ tục biểu quyết**	Ngày 15/06/2023, ĐHĐCĐ thường niên của EVN*GENCO3* đã được tổ chức thành công, tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành, đảm bảo quyền và lợi ích tối đa của cổ đông, cụ thể: • Thông báo mời họp được gửi đến tất cả các cổ đông với nội dung thông tin đầy đủ về thời gian, địa điểm, đối tượng dự họp, chương trình họp, cách thức tham dự ĐHĐCĐ và các thông tin cơ bản khác về việc đăng ký tham dự. • Toàn bộ tài liệu họp được đăng tải công khai trên website TCT bằng tiếng Việt trong thời gian 21 ngày trước ngày tổ chức ĐHĐCĐ. • Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ được đăng tải trên website TCT vào ngày 16/6/2023, theo đúng quy định với đầy đủ thông tin theo đúng trình tự thời gian trong vòng 24 giờ.
A.4	**Thị trường giao dịch thâu tóm Công ty phải được phép hoạt động một cách hiệu quả và minh bạch.**	Trong năm 2023, EVN*GENCO3* không phát sinh các trường hợp này
A.5	**Cần tạo điều kiện thực hiện quyền sở hữu cho mọi cổ đông, bao gồm cả các nhà đầu tư tổ chức.**	Năm 2023, Tổng Công ty thực hiện bản tin nhà đầu tư định kỳ hàng tháng để cung cấp thông tin tình hình sản xuất - kinh doanh đến các nhà đầu tư và được đăng tải trên website https://www.genco3.com/quan-he-nha-dau-tu/ban-tin-nha-dau-tu. • Bộ phận quan hệ nhà đầu tư của TCT cũng sẵn sàng giải đáp các thắc mắc cũng như ghi nhận những thông tin phản hồi từ phía cổ đông và nhà đầu tư. • Trong năm, EVN*GENCO3* tham gia chương trình gặp mặt nhà đầu tư do CTCP Chứng khoán SSI, VCBS tổ chức.

Dưới đây là thông tin chi tiết về quản trị công ty của EVN*GENCO3* trong năm 2023 tham chiếu với các tiêu chí Thẻ điểm Quản trị công ty khu vực ASEAN: *(Tiếp theo)*

STT	Tiêu chí Thẻ điểm Quản trị công ty khu vực ASEAN	Mức độ đáp ứng của EVN*GENCO3*
B	**ĐỐI XỬ BÌNH ĐẲNG VỚI CỔ ĐÔNG**	
EVN*GENCO3* cung cấp đầy đủ và công khai các thông tin theo quy định cho tất cả các cổ đông. Các cổ đông đều có quyền tham dự hoặc ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên/ bất thường của EVN*GENCO3*.		
B.1	**Cổ phiếu và quyền biểu quyết**	TCT chỉ có cổ phiếu phổ thông. Mỗi cổ phiếu phổ thông có một quyền biểu quyết.
B.2	**Thông báo ĐHĐCĐ**	Toàn bộ thông báo, tài liệu ĐHĐCĐ được gửi trực tiếp đến địa chỉ cổ đông đã đăng ký và đăng tải trên website của TCT: https://www.genco3.com/ trước thời điểm diễn ra ĐHĐCĐ 21 ngày.
B.3	**Phải ngăn cấm giao dịch nội gián và lạm dụng mua bán tư lợi cá nhân**	Chương X trong Điều lệ EVN*GENCO3* quy định rõ các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của HĐQT một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của EVN*GENCO3*. Đồng thời, quy định rõ trách nhiệm phải bồi thường về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra. Bên cạnh đó, TCT còn thực hiện theo quy định Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.
B.4	**Giao dịch bên liên quan của thành viên HĐQT và cán bộ quản lý cấp cao**	Các giao dịch liên quan đến lợi ích của thành viên HĐQT được quy định tại khoản 7 điều 42 trong Điều lệ TCT.

STT	Tiêu chí Thẻ điểm Quản trị công ty khu vực ASEAN	Mức độ đáp ứng của EVN*GENCO3*
C	**ĐẢM BẢO QUYỀN LỢI VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN**	
Các hoạt động kinh doanh của EVN*GENCO3* đều được thực hiện trên nguyên tắc đảm bảo lợi ích cao nhất cho các bên liên quan.		
Các bên liên quan		**Cam kết của TCT đối với các bên liên quan**
C.1	**Khách hàng**	• Tuân thủ quy định của pháp luật và các hợp đồng mua bán điện với Công ty mua bán điện EPTC • Ban hành đầy đủ các quy chế đấu thầu và mua sắm hàng hóa đảm bảo quy định pháp luật
C.2	**Cổ đông, nhà đầu tư**	Tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ TCT
C.3	**Cán bộ nhân viên**	Thỏa ước lao động tập thể và nội quy TCT
C.4	**Cộng đồng**	Chăm lo cộng đồng bằng nhiều hoạt động an sinh xã hội
C.5	**Chính phủ và các bộ ngành**	Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về thuế, bảo vệ môi trường, an toàn lao động và đóng góp vào ngân sách Nhà nước.
C.6	**Đối tác, nhà cung cấp**	Tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về đấu thầu và mua sắm hàng hóa.
C.7	**Báo chí và cơ quan truyền thông**	TCT chủ động cung cấp thông tin đầy đủ, minh bạch về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh với Báo chí và truyền thông mạng xã hội.

Dưới đây là thông tin chi tiết về quản trị công ty của EVN*GENCO3* trong năm 2023 tham chiếu với các tiêu chí Thẻ điểm Quản trị công ty khu vực ASEAN: *(Tiếp theo)*

STT	Tiêu chí Thẻ điểm Quản trị công ty khu vực ASEAN	Mức độ đáp ứng của EVN*GENCO3*
D	**CÔNG BỐ VÀ MINH BẠCH THÔNG TIN**	
EVN*GENCO3* luôn tuân thủ đầy đủ, chính xác và đúng thời hạn các quy định về công bố thông tin đối với công ty niêm yết. Đồng thời, tất cả các bên liên quan đều có thể tiếp cận thông tin phải công bố của EVN*GENCO3* cập nhật trên website của Tổng Công ty.		
D.1	**Cấu trúc sở hữu minh bạch**	Thông tin về cấu trúc sở hữu và mô hình hoạt động của TCT; dữ liệu về cổ đông lớn, cổ đông nội bộ, thành viên HĐQT và Ban Điều hành; giao dịch với các bên liên quan được công bố và cập nhật công khai trong Báo cáo thường niên, Báo cáo quản trị và website của TCT.
D.2	**Chất lượng và thời hạn công bố của Báo cáo thường niên, Báo cáo tài chính**	• Báo cáo thường niên của EVN*GENCO3* được lập đáp ứng đầy đủ các quy định của Thông tư số 96/2020/TT-BTC, về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. • Báo cáo thường niên và Báo cáo tài chính của EVN*GENCO3* luôn được công bố đúng thời hạn và theo đúng các quy định về công bố thông tin.
D.3	**Cung cấp thông tin hoạt động kinh doanh của công ty**	• Các thông tin liên quan và trọng yếu về hoạt động kinh doanh của EVN*GENCO3* được công bố kịp thời thông qua website TCT: https://www.genco3.com/quan-he-nha-dau-tu/ban-tin-nha-dau-tu
D.4	**Quan hệ nhà đầu tư**	• EVN*GENCO3* ưu tiên đẩy mạnh các kênh online, trong đó có mảng báo chí. Trong năm qua, tất cả các tin tức về hoạt động của TCT đều cập nhập liên tục trên các trang báo với độ phủ thị trường lớn, nhằm mục đích cung cấp nhanh nhất các hoạt động của TCT đến nhà đầu tư. • Để các cổ đông và nhà đầu tư có thêm góc nhìn về mã cổ phiếu PGV qua các chuyên viên phân tích hàng đầu trong thị trường, Tổng Công ty đã liên tục cập nhập báo cáo quan hệ cổ đông (IR) theo tháng để các chuyên viên phân tích có thể thường xuyên ra báo cáo về mã cổ phiếu PGV.

STT	Tiêu chí Thẻ điểm Quản trị công ty khu vực ASEAN	Mức độ đáp ứng của EVN*GENCO3*
E	**TĂNG CƯỜNG TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT ĐỐI VỚI CỔ ĐÔNG**	
E.1	**Cơ cấu và vai trò, trách nhiệm của thành viên HĐQT**	• Cơ cấu, vai trò, trách nhiệm và thù lao của thành viên HĐQT được quy định rõ trong Chương VII Điều lệ TCT; • HĐQT trình ĐHĐCĐ thông qua thù lao, lương thưởng hàng năm; ban hành Nghị quyết ĐHĐCĐ để thực hiện theo quy định và được công bố công khai trên Báo cáo thường niên.
E.2	**Cuộc họp HĐQT**	Trình tự và thủ tục họp HĐQT được quy định cụ thể tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị của EVN*GENCO3*. Trong năm 2023, HĐQT đã thực hiện 17 phiên họp.
E.3	**Tính độc lập của thành viên HĐQT**	• Tại EVN*GENCO3*, chức danh Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc được tách bạch, giúp gia tăng trách nhiệm và nâng cao năng lực ra quyết định độc lập của HĐQT và Ban Điều hành. • TCT có 1 thành viên độc lập HĐQT để hỗ trợ và thực hiện các công việc liên quan.
E.3	**Các tiểu ban trực thuộc HĐQT**	Căn cứ các quy định hiện hành thì việc thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT là không bắt buộc. Theo nhu cầu công việc, cho đến thời điểm này HĐQT chưa thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT.
E.4	**Hiệu quả HĐQT**	• Năm 2023, HĐQT EVN*GENCO3* đã tổ chức thực hiện/chỉ đạo và ban hành 40 Nghị quyết để giải quyết các vấn đề trọng tâm, chủ trương, kế hoạch và công tác quản trị của TCT; ngoài ra, HĐQT cũng có các Nghị quyết, quyết định, văn bản để thông qua, chỉ đạo các công việc có tính chất định kỳ trong hoạt động của TCT với tỷ lệ thông qua là 100% để thực hiện chức năng quản trị hoạt động của Tổng Công ty. • Các thành viên HĐQT đều tích cực cập nhật kiến thức về quản trị công ty theo khung quản trị tiên tiến trên thế giới.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHƯƠNG

TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 – CÔNG TY CỔ PHẦN
60-66 Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala, An Lợi Đông
Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP	Số 3025/QĐ-BCT do Bộ Công Thương cấp ngày 1 tháng 6 năm 2012.	
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP	Số 3502208399 Do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 26 tháng 11 năm 2012 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 9 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 10 năm 2021.	
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Ông Đinh Quốc Lâm	Chủ tịch
	Ông Lê Văn Danh	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Hải Yến	Thành viên *(Bổ nhiệm từ ngày 15 tháng 6 năm 2023)*
	Ông Nguyễn Minh Khoa	Thành viên
	Ông Đỗ Mộng Hùng	Thành viên
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	Ông Lê Văn Danh	Tổng Giám đốc
	Ông Cao Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc *(Miễn nhiệm từ ngày 01 tháng 10 năm 2023)*
	Ông Nguyễn Thanh Trùng Dương	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Võ Minh Thắng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Trần Đình Ân	Phó Tổng Giám đốc *(Bổ nhiệm từ ngày 10 tháng 3 năm 2023*
BAN KIỂM SOÁT	Ông Phạm Hùng Minh	Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách
	Bà Vũ Hải Ngọc	Kiểm soát viên kiêm nhiệm
	Ông Đậu Đức Chiến	Kiểm soát viên kiêm nhiệm
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT	Ông Lê Văn Danh	Tổng Giám đốc
TRỤ SỞ CHÍNH	Số 60-66 đường Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	
CÔNG TY KIỂM TOÁN	Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam	

TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 – CÔNG TY CỔ PHẦN
60-66 Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala, An Lợi Đông
Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

II. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập trên cơ sở chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Nguyễn Thị Thanh Hương
Phó Tổng Giám đốc
Người được Người đại diện theo pháp luật ủy quyền
Ngày 30 tháng 3 năm 2024

III. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 – CÔNG TY CỔ PHẦN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Công ty mẹ") và các Công ty con (Công ty mẹ và các Công ty con sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2024, từ trang 5 đến trang 43 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Như được trình bày tại Thuyết minh số 4 - Trình bày lại số liệu báo cáo tài chính năm trước của Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện một số điều chỉnh cần thiết liên quan đến một số số liệu báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Như được trình bày tại Thuyết minh số 37 - Cổ phần hóa của Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, các cơ quan thẩm quyền có liên quan chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Công ty mẹ chính thức chuyển thành công ty cổ phần. Do đó, các ảnh hưởng tài chính (nếu có) đến báo cáo tài chính hợp nhất này có thể được thực hiện bổ sung khi có phê duyệt cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền về quyết toán cổ phần hóa.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác, với báo cáo kiểm toán độc lập phát hành ngày 13 tháng 3 năm 2023 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Nguyễn Quang Trung
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0733-2023-001-1
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 30 tháng 3 năm 2024
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Đỗ Đức Trung
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 5519-2020-001-1

TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 – CÔNG TY CỔ PHẦN
60-66 Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala, An Lợi Đông
Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01-DN/HN
Ban hành theo thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
Đã được kiểm toán

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**16.976.944.445.030**	**19.886.583.521.227**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**510.183.037.967**	**1.727.691.330.819**
1. Tiền	111		389.183.037.967	492.191.330.819
2. Các khoản tương đương tiền	112		121.000.000.000	1.235.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**2.935.000.000.000**	**3.837.650.000.000**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	2.935.000.000.000	3.837.650.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**9.976.743.487.170**	**12.052.867.949.333**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	9.117.941.918.690	11.316.327.623.811
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		127.210.316.614	186.819.665.642
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	731.591.251.866	549.720.659.880
IV. Hàng tồn kho	**140**	**9**	**3.095.495.426.093**	**1.920.190.836.695**
1. Hàng tồn kho	141		3.095.524.251.690	1.922.515.305.345
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(28.825.597)	(2.324.468.650)
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**459.522.493.800**	**348.183.404.380**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		23.144.263.206	51.726.147.993
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		354.625.555.113	286.390.636.066
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	81.752.675.481	10.066.620.321
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**41.864.154.683.090**	**46.413.662.233.572**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**3.575.246.000**	**3.274.424.000**
1. Phải thu dài hạn khác	216		3.575.246.000	3.274.424.000
II. Tài sản cố định	**220**		**37.112.875.018.352**	**41.183.764.655.282**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	36.521.061.737.923	40.584.063.525.792
- Nguyên giá	222		115.047.665.197.701	114.632.475.356.198
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(78.526.603.459.778)	(74.048.411.830.406)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	591.813.280.429	599.701.129.490
- Nguyên giá	228		658.826.984.717	659.981.216.961
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(67.013.704.288)	(60.280.087.471)
III. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**25.114.185.858**	**342.714.757.716**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	25.114.185.858	342.714.757.716
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**6**	**2.520.778.118.642**	**2.616.222.567.285**
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.984.832.768.300	2.026.710.839.437
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		536.909.373.388	536.909.373.388
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(964.023.046)	(5.397.645.540)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	58.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**2.201.812.114.238**	**2.267.685.829.289**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	266.014.286.243	266.684.645.678
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		1.935.797.827.995	2.001.001.183.611
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**58.841.099.128.120**	**66.300.245.754.799**

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 – CÔNG TY CỔ PHẦN
60-66 Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala, An Lợi Đông
Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01-DN
Ban hành theo thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT *(TIẾP THEO)*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
Đã được kiểm toán

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**43.069.973.348.059**	**48.703.522.679.603**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**11.479.894.580.236**	**13.266.788.567.581**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	4.101.442.666.053	5.050.690.475.286
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.643.320	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	85.286.522.228	382.627.409.040
4. Phải trả người lao động	314		394.699.603.112	338.894.242.474
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	216.131.971.344	55.413.606.530
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	17	42.107.962.265	16.034.281.212
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	892.833.495.455	1.726.289.688.926
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	5.334.832.667.958	5.380.511.397.427
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	412.558.048.501	316.327.466.686
II. Nợ dài hạn	**330**		**31.590.078.767.823**	**35.436.734.112.022**
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	17	914.511.753.335	318.322.507.370
2. Phải trả dài hạn khác	337		109.785.989	24.613.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	30.675.457.228.499	35.118.386.991.652
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**15.771.125.780.061**	**17.596.723.075.196**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**15.771.125.780.061**	**17.596.723.075.196**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	22	11.234.680.460.000	11.234.680.460.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	6.014.917.945
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		65.840.801.128	50.811.630.001
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		912.243.833.241	1.315.934.828.273
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		15.748.025.022	15.748.025.022
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.184.022.130.153	4.599.491.275.047
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.890.215.947.923	2.722.729.315.656
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		293.806.182.230	1.876.761.959.391
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		358.590.530.517	374.041.938.908
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**58.841.099.128.120**	**66.300.245.754.799**

Trần Nguyễn Khánh Linh
Người lập biểu

Vũ Phương Thảo
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hương
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 – CÔNG TY CỔ PHẦN
60-66 Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala, An Lợi Đông
Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 02-DN/HN
Ban hành theo thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		45.862.195.704.877	47.189.591.261.324
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	**10**	**25**	**45.862.195.704.877**	**47.189.591.261.324**
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	41.344.150.280.929	41.807.966.531.453
4. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	**20**		**4.518.045.423.948**	**5.381.624.729.871**
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	339.183.947.661	323.141.834.137
6. Chi phí tài chính	22	28	3.331.970.808.327	2.543.103.087.532
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.468.022.741.831	1.576.833.210.859
7. Phần lãi trong công ty liên kết	24	6	375.725.222.863	513.938.765.968
8. Chi phí bán hàng	25		200.810.470	245.097.769
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	651.321.108.993	674.280.026.384
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	**30**		**1.249.461.866.682**	**3.001.077.118.291**
11. Thu nhập khác	31		6.715.308.526	31.274.606.898
12. Chi phí khác	32		15.466.891.896	12.138.074.008
13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**		**(8.751.583.370)**	**19.136.532.890**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**1.240.710.283.312**	**3.020.213.651.181**
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	156.986.975.976	500.107.327.266
16. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)	**60**		**1.083.723.307.336**	**2.520.106.323.915**
17. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		1.065.134.625.680	2.494.669.384.691
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		18.588.681.656	25.436.939.224
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	32	948	2.042

Trần Nguyễn Khánh Linh
Người lập biểu

Vũ Phương Thảo
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hương
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 – CÔNG TY CỔ PHẦN
60-66 Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala, An Lợi Đông
Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03-DN/HN
Ban hành theo thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***	***1.240.710.283.312***	***3.020.213.651.181***
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	4.518.775.545.796	4.469.572.298.806
Các khoản dự phòng	03	(6.729.265.547)	5.978.016.761
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	844.798.129.711	892.894.434.202
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(800.479.986.974)	(779.644.468.389)
Chi phí lãi vay	06	2.468.022.741.831	1.576.833.210.859
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***	***8.265.097.448.129***	***9.185.847.143.420***
Thay đổi các khoản phải thu	09	(7.952.608.502.852)	(9.488.254.325.533)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(1.107.805.590.729)	1.145.086.072.454
Thay đổi các khoản phải trả	11	(26.847.667.323)	185.387.536.833
Thay đổi chi phí trả trước	12	29.252.244.222	(15.794.083.651)
Tiền lãi vay đã trả	14	(137.311.614.606)	(169.125.050.113)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(444.966.561.311)	(577.463.723.938)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	347.840.000	110.320.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(110.080.458.665)	(110.208.387.509)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***(1.484.922.863.135)***	***155.585.501.963***
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(372.222.053.771)	(976.848.420.334)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	486.264.858	466.486.375
3. Tiền chi cho các khoản tiền gửi ngân hàng	23	(2.794.000.000.000)	(5.049.000.000.000)
4. Tiền thu từ các khoản tiền gửi ngân hàng	24	3.754.650.000.000	5.450.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(90.000.000.000)	-
6. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	523.274.174.293	310.226.258.152
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***1.022.188.385.380***	***(265.155.675.807)***
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	423.951.363.317	119.500.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.138.669.012.599)	(636.738.214.128)
3. Tiền chi trả cổ tức	36	(40.056.165.815)	(38.611.613.275)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***(754.773.815.097)***	***(555.849.827.403)***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	**50**	**(1.217.508.292.852)**	**(665.420.001.247)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**1.727.691.330.819**	**2.393.109.084.650**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	2.247.416
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	**70**	**510.183.037.967**	**1.727.691.330.819**

Trần Nguyễn Khánh Linh
Người lập biểu

Vũ Phương Thảo
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hương
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 – CÔNG TY CỔ PHẦN
60-66 Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala, An Lợi Đông
Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Cấu trúc của Tổng Công ty bao gồm Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần ("Công ty mẹ"), 2 công ty con và 4 công ty liên kết.

Thông tin về các công ty trong Tổng Công ty cụ thể như sau:

Công ty mẹ

Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Phát điện 3. Theo Quyết định số 9494/QĐ-BCT ngày 22 tháng 10 năm 2014, Bộ Công Thương quyết định cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Phát điện 3. Theo Quyết định số 2100/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ -Tổng Công ty Phát điện 3.

Công ty mẹ hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502208399 đăng ký lần đầu do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 26 tháng 11 năm 2012 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất, lần thứ 9, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 10 năm 2021.

Cổ phiếu của Công ty mẹ được niêm yết và giao dịch trên thị trường UPCoM từ ngày 14 tháng 3 năm 2018 với mã giao dịch cổ phiếu là "PGV" theo Quyết định số 114/QĐ-SGDHN ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Theo Quyết định số 34/QĐ-SGDHN ngày 19 tháng 01 năm 2022 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, cổ phiếu của Tổng Công ty được hủy đăng ký giao dịch trên thị trường UPCoM từ ngày 24 tháng 01 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty mẹ được chấp thuận niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 29 tháng 12 năm 2021 với mã giao dịch cổ phiếu là "PGV" theo Quyết định số 731/QĐ-SGDHCM ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là ngày 10 tháng 02 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty mẹ đặt tại số 60-66 đường Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 2.711 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 2.698 người).

Các chi nhánh hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ, gồm:

- Công ty Thủy điện Buôn Kuốp tại Số 22, Đường Mai Xuân Thưởng, Phường Thành Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam;
- Công ty Nhiệt điện Mông Dương tại Khu 8, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam;
- Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam;
- Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân tại Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2, Thôn Vĩnh Phúc, Xã Vĩnh Tân, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam;
- Công ty Dịch vụ Sửa chữa các Nhà máy điện EVNGENCO3 tại Số 332 Độc Lập (Quốc lộ 51), Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam;
- Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân tại Đại lộ Hùng Vương, Khu phố 5, Phường Phú Thủy, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam;
- Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện 1 tại Khu 8, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam; và
- Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện Thái Bình tại Xã Mỹ Lộc, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(TIẾP THEO)*

Các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ bao gồm:

Tên công ty	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty con				
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	79,56	79,56	Sản xuất và kinh doanh điện năng
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình	Tỉnh Ninh Bình	54,76	54,76	Sản xuất và kinh doanh điện năng
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	Tỉnh Yên Bái	30,00	30,00	Sản xuất và kinh doanh điện năng
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	Tỉnh Bình Định	30,55	30,55	Sản xuất và kinh doanh điện năng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A	Tỉnh Gia Lai	30,00	30,00	Sản xuất và kinh doanh điện năng
Công ty Cổ phần Simacai	Tỉnh Lào Cai	28,64	36,00	Sản xuất điện

Các công ty con

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 2744/QĐ-BCN ngày 26 tháng 8 năm 2005 của Bộ Công Thương và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4903000451 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 01 tháng 11 năm 2007. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa là sản xuất và kinh doanh điện năng.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Nhiệt điện Ninh Bình theo Quyết định số 3945/QĐ-BCN ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Bộ Công Thương và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0903000161 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Bình cấp ngày 31 tháng 12 năm 2007. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình là sản xuất và kinh doanh điện năng.

Các công ty liên kết

- Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1603000069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp ngày 31 tháng 3 năm 2006. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước - Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, là một đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN"). Nhà máy chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 04 tháng 5 năm 2005. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A chính thức đi vào hoạt động ngày 01 tháng 11 năm 2003 theo Công văn số 1391/CP-CN ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900308540 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 01 tháng 9 năm 2003. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- Công ty Cổ phần Simacai thành lập ngày 8 tháng 8 năm 2018 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5300755744 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất, kinh doanh điện năng; quản lý vận hành sửa chữa bảo dưỡng, đại tu, cải tạo, nâng cấp thiết bị điện, công trình điện. Ngoài ra, Tổng Công ty còn hoạt động trong một số lĩnh vực khoa học, công nghệ, nghiên cứu triển khai, đào tạo phục vụ cho hoạt động chính.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về thông tin so sánh trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(TIẾP THEO)*

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất số liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty mẹ với các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(TIẾP THEO)*

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty mẹ vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty trong Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết của Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, và các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng. Dự phòng của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(TIẾP THEO)*

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho chủ yếu bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất khi có bằng chứng tin cậy giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	05 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(TIẾP THEO)*

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất (kể cả các chi phí bỏ ra để có được quyền sử dụng đất), phần mềm máy tính và bản quyền chuyển giao công nghệ.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, như sau:

	Số năm
Phần mềm máy tính	03 - 10
Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn	50
Bản quyền, bằng sáng chế	03 - 10
Tài sản cố định vô hình khác	03 - 10

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là giá trị các công trình đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn dở dang tại các đơn vị trong Tổng Công ty, được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh đối với các công trình tự làm hoặc theo khối lượng thực tế thanh toán với bên thi công trên cơ sở phiếu giá, hóa đơn cho khối lượng hoàn thành hoặc hạng mục bàn giao đối với các công trình thuê bên ngoài thực hiện, bao gồm chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (trong trường hợp chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản này được bàn giao đưa vào sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Các khoản trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm khoản chi phí bảo hiểm, và các chi phí khác.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, chi phí đền bù, giải phòng mặt bằng và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn phản ánh giá trị thuần của thiết bị, vật tư, phụ tùng dùng để dự trữ, thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản nhưng không đủ tiêu chuẩn để phân loại là tài sản cố định và có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước liên quan đến một hay nhiều niên độ kế toán về cho thuê tài sản. Tổng Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Tổng Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh trong năm tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(TIẾP THEO)*

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

(b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Tổng Công ty chủ yếu là Doanh thu bán điện. Doanh thu bán điện được xác định dựa trên Tổng sản lượng điện phát và giá bán điện được quy định tại từng hợp đồng mua bán điện của mỗi nhà máy điện.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (không bao gồm các khoản công nợ nội bộ có gốc ngoại tệ) tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm trừ vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá. Đối với khoản vay phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(TIẾP THEO)*

Chi phí sửa chữa lớn

Tổng Công ty hạch toán chi phí sửa chữa lớn vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm khi công trình sửa chữa lớn hoàn thành. Nếu công trình có nhiều hạng mục:

(a) Trường hợp các hạng mục có thể hoạt động độc lập, Tổng Công ty hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính tương ứng với thời điểm từng hạng mục sửa chữa lớn hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng.

(b) Trường hợp các hạng mục thuộc công trình sửa chữa lớn không hoạt động độc lập với nhau, Tổng Công ty hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính tương ứng khi thời điểm toàn bộ công trình sửa chữa lớn hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng.

Các chi phí liên quan đến quá trình chuẩn bị công tác sửa chữa (chi phí tư vấn, khảo sát, thẩm định...) công trình, hạng mục sửa chữa lớn: Tổng Công ty hạch toán chi phí đồng bộ với thời điểm hạch toán chi phí sản xuất kinh doanh khi công trình, hạng mục sửa chữa lớn hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng như nêu trên.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(TIẾP THEO)*

4. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM TRƯỚC

Trong năm, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện một số điều chỉnh cần thiết liên quan đến một số số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 căn cứ Báo cáo kiểm toán ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Kiểm toán Nhà nước về quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần của Công ty mẹ - Tổng Công ty Phát điện 3. Trong đó, một số kiến nghị điều chỉnh trọng yếu như sau:

- Các điều chỉnh có liên quan đến việc thay đổi thời gian khấu hao của tài sản cố định hữu hình là Tua bin tại Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân từ 15 năm lên 20 năm;

- Các điều chỉnh theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ công trình cơ sở hạ tầng dùng chung cho Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 và Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 mở rộng số 01/2023/EVN-GENCO3-CSHT VT4&4MR với EVN.

Đồng thời, để đảm bảo nguyên tắc nhất quán, Tổng Công ty đã tiến hành các điều chỉnh có liên quan đến việc cung cấp dịch vụ công trình cơ sở hạ tầng dùng chung cho Nhà máy điện BOT Vĩnh Tân 1 giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Tổng Công ty.

	Mã chỉ tiêu	Số đã báo cáo VND	Số điều chỉnh VND	Số trình bày lại VND
Bảng cân đối kế toán hợp nhất				
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	11.710.481.578.712	(394.153.954.901)	11.316.327.623.811
Tài sản cố định hữu hình	221	40.107.624.331.926	476.439.193.866	40.584.063.525.792
- Nguyên giá	222	114.631.289.946.787	.185.409.411	114.632.475.356.198
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(74.523.665.614.861)	475.253.784.455	(74.048.411.830.406)
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.045.551.157.760	5.139.317.526	5.050.690.475.286
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	382.009.061.403	618.347.637	382.627.409.040
Phải trả ngắn hạn khác	319	1.585.152.242.768	141.137.446.158	1.726.289.688.926
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	334.914.842.561	(18.587.375.875)	316.327.466.686
Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế các năm trước	421a	2.739.041.723.588	(16.312.407.932)	2.722.729.315.656
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b	1.906.472.047.941	(29.710.088.550)	1.876.761.959.391
Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất				
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	01	47.287.247.983.691	(97.656.722.367)	47.189.591.261.324
Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	11	41.868.485.643.133	(60.519.111.680)	41.807.966.531.453
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	507.534.849.403	(7.427.522.137)	500.107.327.266
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	2.549.816.412.465	(29.710.088.550)	2.520.106.323.915
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất				
Lợi nhuận trước thuế	01	3.057.351.261.868	(37.137.610.687)	3.020.213.651.181
Khấu hao tài sản cố định	02	4.530.091.410.486	(60.519.111.680)	4.469.572.298.806
Thay đổi các khoản phải thu	09	(9.585.911.047.900)	97.656.722.367	(9.488.254.325.533)

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	3.719.392.191	2.962.084.245
Tiền gửi ngân hàng	385.463.645.776	489.229.246.574
Các khoản tương đương tiền (*)	121.000.000.000	1.235.500.000.000
	510.183.037.967	1.727.691.330.819

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng, hưởng lãi suất theo quy định tại hợp đồng tiền gửi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(TIẾP THEO)*

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

a. Đầu tư tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	2.935.000.000.000	3.829.650.000.000
Trái phiếu	-	8.000.000.000
	2.935.000.000.000	**3.837.650.000.000**
Dài hạn		
Trái phiếu	-	58.000.000.000

(*) Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng được hưởng lãi suất theo quy định tại hợp đồng tiền gửi.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, khoản tiền gửi có kỳ hạn với giá trị 625,2 tỷ đồng đang được sử dụng để làm tài sản đảm bảo cho các Thư tín dụng, Thư bảo lãnh được phát hành theo Hợp đồng hạn mức tín dụng của Tổng Công ty với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 336,7 tỷ đồng).

b. Đầu tư vào công ty liên kết

Giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu của các khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	319.362.809.598	329.276.001.764
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	1.406.121.780.238	1.535.556.161.954
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A	169.348.178.464	161.878.675.719
Công ty Cổ phần Simacai	90.000.000.000	-
Số dư cuối năm	**1.984.832.768.300**	**2.026.710.839.437**

Giá trị các khoản đầu tư vào công ty liên kết biến động trong năm như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Số dư đầu năm	**2.026.710.839.437**	**1.696.435.122.469**
Tăng trong năm	90.000.000.000	-
Phần lãi trong công ty liên kết	375.725.222.863	513.938.765.968
Cổ tức đã chia	(507.603.294.000)	(183.663.049.000)
Số dư cuối năm	**1.984.832.768.300**	**2.026.710.839.437**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(TIẾP THEO)*

	Tỷ lệ sở hữu %	Số năm nay			Số năm trước		
		Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý (**) VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý (**) VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	1,99	114.770.927.800	146.581.366.480	-	114.770.927.800	133.734.879.263	-
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	1,60	108.730.000.000	139.926.453.260	-	108.730.000.000	129.100.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	19,89	83.750.000.000	291.287.501.193	-	83.750.000.000	269.757.380.053	-
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	2,47	83.094.784.000	174.487.040.000	-	83.094.784.000	205.467.392.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng GE PMTP	15,00	74.463.661.588	(*)	(964.023.046)	74.463.661.588	(*)	(5.397.645.540)
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	6,43	50.000.000.000	(*)	-	50.000.000.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	0,45	19.600.000.000	(*)	-	19.600.000.000	(*)	-
Côn ty Cổ phần dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc	1,14	2.500.000.000	(*)	-	2.500.000.000	(*)	-
		536.909.373.388		(964.023.046)	536.909.373.388		(5.397.645.540)

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất vì khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**) Đối với các khoản đầu tư có cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") hoặc Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội ("HNX"), giá trị hợp lý của các cổ phiếu này được xác định bằng cách tham khảo giá đóng cửa trên thị trường chứng khoán tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các khoản đầu tư có cổ phiếu được giao dịch trên thị trường của những công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCoM"), giá trị hợp lý của các cổ phiếu này được xác định bằng cách tham khảo giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 700434869 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 16 tháng 12 năm 2002. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh là sản xuất và kinh doanh điện năng.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0203000279 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 17 tháng 9 năm 2002. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng là sản xuất và kinh doanh điện năng.

Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000884487 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 20 tháng 5 năm 2009. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn là sản xuất và kinh doanh điện năng.

Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4703000396 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 20 tháng 6 năm 2007. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 là sản xuất và kinh doanh điện năng.

Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng GE PMTP được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502208825 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 5 tháng 10 năm 2012. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng GE PMTP là sửa chữa máy móc thiết bị.

Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4000455251 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam cấp ngày 17 tháng 1 năm 2007. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ là sản xuất và kinh doanh điện năng.

Công ty Cổ phần Điện Việt Lào được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101389382 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 7 năm 2003. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Điện Việt Lào là sản xuất và kinh doanh điện năng.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0800383471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp ngày 17 tháng 7 năm 2007. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc là sửa chữa, bảo dưỡng, thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị nhà máy điện và các thiết bị công nghiệp khác tương đương.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm (Trình bày lại) VND
Các bên liên quan	3.719.392.191	2.962.084.245
(Chi tiết tại Thuyết minh số 35)	9.061.184.424.889	11.289.410.171.494
Các bên thứ ba	56.757.493.801	26.917.452.317
	9.117.941.918.690	11.316.327.623.811

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(TIẾP THEO)*

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa kê khai	85.235.880.603	283.237.369.103
Phải thu về chi hộ	214.521.297.043	148.879.081.794
Lãi tiền gửi dự thu	100.469.931.370	70.458.551.140
Phải thu về cổ tức	247.360.392.250	-
Khác	84.003.750.600	47.145.657.843
	731.591.251.866	**549.720.659.880**
Trong đó:		
Phải thu khác từ bên liên quan		
(Chi tiết tại Thuyết minh số 35)	463.072.961.659	150.722.578.817

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Hàng mua đang đi đường	96.822.955.154	6.264.942.908
Nguyên liệu, vật liệu	2.813.903.126.870	1.760.743.932.957
Công cụ, dụng cụ	139.177.253.796	137.457.580.099
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	45.237.312.247	17.766.392.766
Thành phẩm	383.603.623	282.456.615
	3.095.524.251.690	**1.922.515.305.345**
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(28.825.597)	(2.324.468.650)
	3.095.495.426.093	**1.920.190.836.695**

Trong năm, Tổng Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 2.295.643.053 đồng (năm 2022: 187.124.097 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(TIẾP THEO)*

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	**20.640.974.608.951**	**86.852.770.437.251**	**6.755.945.085.672**	**343.652.446.577**	**39.132.777.747**	**114.632.475.356.198**
Tăng trong năm	**75.554.438.175**	**259.792.615.414**	**39.641.117.236**	**54.640.873.423**	**476.415.167**	**430.105.459.415**
Đầu tư xây dựng bàn giao	72.215.694.643	-	-	-	-	72.215.694.643
Mua sắm mới	1.291.052.834	254.913.682.415	38.072.264.501	54.128.554.768	476.415.167	348.881.969.685
Phân loại lại	-	-	-	378.808.000	-	378.808.000
Điều động trong Tổng Công ty	397.300.000	-	1.568.852.735	-	-	1.966.152.735
Lý do khác	1.650.390.698	4.878.932.999	-	133.510.655	-	6.662.834.352
Giảm trong năm	**6.336.781.387**	**3.434.339.927**	**4.492.388.722**	**652.107.876**	**-**	**14.915.617.912**
Thanh lý, nhượng bán	77.312.000	2.582.159.286	2.839.883.757	204.049.714	-	5.703.404.757
Điều động trong Tổng Công ty	397.300.000	-	1.568.852.735	-	-	1.966.152.735
Phân loại lại	-	378.808.000	-	-	-	378.808.000
Lý do khác	5.862.169.387	473.372.641	83.652.230	448.058.162	-	6.867.252.420
Số dư cuối năm	**20.710.192.265.739**	**87.109.128.712.738**	**6.791.093.814.186**	**397.641.212.124**	**39.609.192.914**	**115.047.665.197.701**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	**9.159.064.426.334**	**60.425.624.453.550**	**4.209.567.441.701**	**236.251.028.026**	**17.904.480.795**	**74.048.411.830.406**
Tăng trong năm	**701.691.888.849**	**3.424.404.482.261**	**312.869.919.916**	**42.583.338.811**	**4.811.002.162**	**4.486.360.631.999**
Trích khấu hao	700.813.785.893	3.424.258.382.063	311.301.067.181	42.533.338.811	4.811.002.162	4.483.717.576.110
Tính hao mòn	652.608.360	136.079.652	-	-	-	788.688.012
Điều động trong Tổng Công ty	225.494.596	-	1.568.852.735	-	-	1.794.347.331
Lý do khác	-	10.020.546	-	50.000.000	-	60.020.546
Giảm trong năm	**964.036.589**	**2.592.179.832**	**4.408.736.492**	**204.049.714**	**-**	**8.169.002.627**
Thanh lý, nhượng bán	77.312.000	2.582.159.286	2.839.883.757	204.049.714	-	5.703.404.757
Điều động trong Tổng Công ty	225.494.596	-	1.568.852.735	-	-	1.794.347.331
Lý do khác	661.229.993	10.020.546	-	-	-	671.250.539
Số dư cuối năm	**9.859.792.278.594**	**63.847.436.755.979**	**4.518.028.625.125**	**278.630.317.123**	**22.715.482.957**	**78.526.603.459.778**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm (Trình bày lại)	**11.481.910.182.617**	**26.427.145.983.701**	**2.546.377.643.971**	**107.401.418.551**	**21.228.296.952**	**40.584.063.525.792**
Tại ngày cuối năm	**10.850.399.987.145**	**23.261.691.956.759**	**2.273.065.189.061**	**119.010.895.001**	**16.893.709.957**	**36.521.061.737.923**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 37.861 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 37.366 tỷ đồng).
Như trình bày tại Thuyết minh số 20, Tổng Công ty đã thế chấp một số tài sản để đảm bảo cho các khoản tiền vay dài hạn từ các ngân hàng. Giá trị còn lại của tài sản này tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 15.967 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 18.047 tỷ đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(TIẾP THEO)*

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Bản quyền bằng sáng chế VND	Khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	**569.053.723.199**	**66.772.154.253**	**17.418.486.148**	**6.736.853.361**	**659.981.216.961**
Tăng trong năm	**10.803.037.879**	**10.105.565.000**	**-**	**8.809.128.982**	**29.717.731.861**
Mua sắm mới	-	10.105.565.000	-	8.809.128.982	18.914.693.982
Nguyên nhân khác	10.803.037.879	-	-	-	10.803.037.879
Giảm trong năm	30.714.408.750	157.555.355	-	-	30.871.964.105
Thanh lý nhượng bán	-	157.555.355	-	-	157.555.355
Điều chỉnh giảm theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền	30.714.408.750	-	-	-	30.714.408.750
Số dư cuối năm	**549.142.352.328**	**76.720.163.898**	**17.418.486.148**	**15.545.982.343**	**658.826.984.717**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	**17.482.984.634**	**29.555.938.134**	**11.631.236.837**	**1.609.927.866**	**60.280.087.471**
Tính khấu hao	1.223.429.118	10.192.839.080	2.854.736.664	1.373.773.777	15.644.778.639
Giảm trong năm	8.753.606.467	157.555.355	-	-	8.911.161.822
Thanh lý nhượng bán	-	157.555.355	-	-	157.555.355
Điều chỉnh giảm theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền	8.753.606.467	-	-	-	8.753.606.467
Số dư cuối năm	9.952.807.285	39.591.221.859	14.485.973.501	2.983.701.643	67.013.704.288
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	551.570.738.565	37.216.216.119	5.787.249.311	5.126.925.495	599.701.129.490
Tại ngày cuối năm	539.189.545.043	37.128.942.039	2.932.512.647	12.562.280.700	591.813.280.429

Nguyên giá tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 26,5 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 17,2 tỷ đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(TIẾP THEO)*

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Sửa chữa lớn tài sản cố định dở dang	3.905.884.878	200.982.542.924
Mua sắm tài sản cố định chưa nghiệm thu đưa vào sử dụng	16.388.457.300	87.662.429.032
Khác	4.819.843.680	54.069.785.760
	25.114.185.858	**342.714.757.716**

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí liên quan đến đất thuê	212.957.279.965	195.718.262.372
Chi phí trả trước khác	53.057.006.278	70.966.383.306
	266.014.286.243	266.684.645.678

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm (Trình bày lại) VND
Phải trả người bán là bên thứ ba	**4.083.730.471.492**	**5.045.607.894.626**
Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ	1.903.565.681.722	2.657.549.850.230
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	1.017.969.878.853	760.335.977.572
Tổng Công ty Đông Bắc	374.868.084.314	867.883.019.531
Khác	787.326.826.603	759.839.047.293
Phải trả người bán là bên liên quan		
(Chi tiết tại Thuyết minh số 35)	17.712.194.561	5.082.580.660
	4.101.442.666.053	5.050.690.475.286

Tất cả các khoản nợ phải trả người bán ngắn hạn đều có thể được Tổng Công ty chi trả khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(TIẾP THEO)*

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải thu trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Phân loại lại VND	Số cuối năm VND
a. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước					
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	8.255.137.460	8.255.137.460
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.718.744.707	-	-	58.185.890.963	65.904.635.670
Thuế thu nhập cá nhân	2.347.825.989	-	-	746.313.243	3.094.139.232
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	49.625	-	-	4.498.713.494	4.498.763.119
Tổng cộng	10.066.620.321	-	-	71.686.055.160	81.752.675.481

	Số đầu năm (Trình bày lại) VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Phân loại lại VND	Số cuối năm VND
b. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước					
Thuế giá trị gia tăng	63.768.870.041	557.552.044.799	(616.216.709.863)	8.255.137.460	13.359.342.437
Thuế xuất, nhập khẩu	-	5.368.439.814	(5.368.439.814)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	10.160.110.221	49.745.202.176	(57.884.047.259)	746.313.243	2.767.578.381
Thuế thu nhập doanh nghiệp	231.796.516.898	156.986.975.976	(444.966.561.311)	58.185.890.963	2.002.822.526
Thuế tài nguyên	37.436.545.721	408.091.034.707	(416.084.203.345)	-	29.443.377.083
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	54.330.319.123	(58.829.032.617)	4.498.713.494	-
Phí dịch vụ môi trường rừng	36.868.981.896	105.761.990.608		-	35.402.619.852
Các khoản phí, lệ phí và thuế khác	2.596.384.263	81.129.643.700	(81.415.246.014)	-	2.310.781.949
Tổng cộng	**382.627.409.040**	**1.418.965.650.903**	**(1.787.992.592.875)**	**71.686.055.160**	**85.286.522.228**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(TIẾP THEO)*

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí lãi vay phải trả	14.809.462.325	18.439.068.960
Chi phí nhiên liệu	187.800.622.455	-
Chi phí phải trả khác	13.521.886.564	36.974.537.570
	216.131.971.344	**55.413.606.530**

17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, doanh thu chưa thực hiện chủ yếu là khoản doanh thu cung cấp dịch vụ công trình cơ sở hạ tầng dùng chung tại Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân nhận trước từ các khách hàng, trong đó có bên liên quan là Nhà máy điện Vĩnh Tân 4 (Chi tiết tại Thuyết minh số 35).

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm (Trình bày lại) VND
Cổ tức phải trả	22.746.804.061	625.910.262.784
Phải trả về lãi vay, phí vay lại của EVN	668.111.256.215	606.161.178.867
Thuế giá trị gia tăng tạm tính	844.474.215	280.272.385.669
Phải trả từ bán cổ phần	29.428.264.877	29.428.264.877
Lợi nhuận chờ phân phối theo hồ sơ quyết toán cổ phần hóa	154.148.830.896	154.148.830.896
Khác	17.553.865.191	30.368.765.833
	892.833.495.455	**1.726.289.688.926**
Trong đó: Bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 35)	696.060.159.749	1.237.346.852.964

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(TIẾP THEO)*

19. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Phân loại lại trong năm VND	Đánh giá lại gốc ngoại tệ cuối năm VND	Số cuối năm VND
Vay ngắn hạn						
Vay ngân hàng (*)						
	-	1.250.136.965.941	(1.200.320.186.391)	-	-	49.816.779.550
Vay dài hạn đến hạn trả (Chi tiết tại Thuyết minh số 20)						
Vay ngân hàng	700.002.305.484	-	(743.433.188.272)	461.433.188.200	-	418.002.305.412
Vay bên liên quan	4.680.509.091.943	-	(4.680.509.091.942)	4.763.824.588.777	103.188.994.218	4.867.013.582.996
	5.380.511.397.427	1.250.136.965.941	(6.624.262.466.605)	5.225.257.776.977	103.188.994.218	5.334.832.667.958

(*) Tổng Công ty có các Hợp đồng hạn mức tín dụng ngắn hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam với tổng hạn mức tín dụng 2.680.000.000.000 đồng để đảm bảo phát hành L/C, bảo lãnh và tài trợ vốn lưu động. Lãi suất của các khoản vay được xác định theo từng lần giải ngân. Tổng Công ty sử dụng các Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn để đảm bảo cho các Thư tín dụng, Thư bảo lãnh được phát hành theo Hợp đồng hạn mức tín dụng của Tổng Công ty với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (xem Thuyết minh số 6).

20. VAY DÀI HẠN

	Số đầu năm VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Phân loại lại trong năm VND	Đánh giá lại gốc ngoại tệ cuối năm VND	Số cuối năm VND
Vay dài hạn						
Vay ngân hàng (*)	887.173.953.258	347.447.062.012	(304.016.179.188)	(461.433.188.200)	-	469.171.647.882
Vay bên liên quan (**)	34.231.213.038.394	-	-	(4.763.824.588.777)	739.859.211.544	30.206.285.580.617
	35.118.386.991.652	347.447.062.012	(304.016.179.188)	(5.225.257.776.977)	739.859.211.544	30.675.457.228.499

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(TIẾP THEO)*

(*) Chi tiết số dư của các khoản vay ngân hàng như sau:

	Nguyên tệ	Năm đáo hạn	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Lãi suất
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1					
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt Chi nhánh Thăng Long	VND	2025	24.225.127.186	40.101.003.862	Lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng + 2,8%/năm
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2					
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch I	VND	2024	94.000.000.000	470.000.000.000	Xác định theo thông báo của Ngân hàng
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	2025	393.217.205.472	617.912.751.456	Lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng + 2,8%/năm
Dự án Nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp					
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội	VND	2025	50.000.000.000	90.000.000.000	Lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng + 2,8%/năm
Dự án Nhà máy Điện mặt trời Vĩnh Tân 2					
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội	VND	2031	-	369.162.503.424	Lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng + 2,7%/năm
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	VND	2031	325.731.620.636	-	Lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng + 1,7%/năm
			887.173.953.294	**1.587.176.258.742**	
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả			(418.002.305.412)	(700.002.305.484)	
Số phải trả sau 12 tháng			**469.171.647.882**	**887.173.953.258**	

Tài sản thế chấp cho khoản vay của Dự án Nhà máy Điện mặt trời Vĩnh Tân 2 gồm toàn bộ giá trị công trình xây dựng, máy móc thiết bị của Dự án Nhà máy Điện mặt trời Vĩnh Tân (xem Thuyết minh số 10); quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện Nhà máy Điện Mặt trời Vĩnh Tân 2 ký giữa Tổng Công ty và EVN; các khoản thu được từ khu đất của Dự án tại xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

Tất cả khoản vay còn lại đều được đảm bảo thanh toán bởi EVN.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 các khoản vay ngân hàng nêu trên có lãi suất từ 6,9%/năm đến 9,2%/năm (tại 31 tháng 12 năm 2022: từ 9,05%/năm đến 10,26%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(TIẾP THEO)*

(**) Chi tiết số dư của các khoản vay lại từ EVN như sau:

	Nguyên tệ	Năm đáo hạn	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Lãi suất
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1					
Ngân hàng Phát triển Châu Á	USD	2032	359.473.237.108	374.450.171.403	Compounded SOFR + 1,22%/năm
Ngân hàng Phát triển Châu Á	USD	2034	16.807.208.953.946	17.120.997.292.319	Compounded SOFR + 0,87%/năm
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Hàn Quốc	USD	2028	4.478.511.706.343	5.319.073.212.262	LIBOR 6 tháng + 4,05%/năm
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2					
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2027	2.930.300.334.898	3.559.378.938.320	3,45%/năm
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	CNY	2027	731.468.118.816	933.636.851.270	3,4% năm
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2028	7.738.007.052.217	9.023.238.663.512	LIBOR 6 tháng + 2,65%/năm
Dự án Nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp					
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2026	27.796.744.033	38.582.084.753	2,75%/năm
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2028	26.434.048.170	33.633.098.653	2,55%/năm
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ 1					
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2028	1.778.584.210.206	2.262.963.969.675	Từ 1,15%/năm đến 2,7%/năm
Dự án đuôi hơi 306-2 Nhà máy Điện Bà Rịa					
Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Bà Rịa - Vũng Tàu	KRW	2027	195.514.757.876	245.767.848.170	2,4%/năm
			35.073.299.163.613	**38.911.722.130.337**	
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả			(4.867.013.582.996)	(4.680.509.091.943)	
Số phải trả sau 12 tháng			**30.206.285.580.617**	**34.231.213.038.394**	

Tài sản thế chấp cho khoản vay của dự án Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1 là toàn bộ giá trị công trình xây dựng Dự án Nhà máy Nhiệt Điện Mông Dương 1 (Xem thuyết minh số 10).
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản vay bằng đồng Đô la Mỹ ("USD") có lãi suất từ 3,45%/năm đến 10,41%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: từ 3,45%/năm đến 7,56%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(TIẾP THEO)*

Các khoản vay được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	5.334.832.667.958	5.380.511.397.427
Trong năm thứ hai	5.191.883.242.109	5.181.964.334.336
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	13.873.386.659.397	15.085.982.398.320
Sau năm năm	11.610.187.326.993	14.850.440.258.996
	36.010.289.896.457	**40.498.898.389.079**
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (Chi tiết tại Thuyết minh số 19)	(5.334.832.667.958)	(5.380.511.397.427)
Số phải trả sau 12 tháng	**30.675.457.228.499**	**35.118.386.991.652**

21. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Số cuối năm VND	Số đầu năm (Trình bày lại) VND
Quỹ khen thưởng	174.971.433.817	150.247.388.557
Quỹ phúc lợi	232.268.389.568	161.314.611.956
Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định	4.228.084.744	4.221.713.010
Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành	1.090.140.372	543.753.163
	412.558.048.501	**316.327.466.686**

Thay đổi trong Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Số dư đầu năm	**316.327.466.686**	**217.136.777.316**
Trích quỹ từ lợi nhuận	206.751.888.492	209.892.140.413
Phân loại lại	-	178.809.276
Tăng khác	347.840.000	110.320.000
Sử dụng trong năm	(110.080.458.665)	(110.208.387.509)
Khấu hao tài sản cố định hình thành từ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(788.688.012)	(782.192.810)
Số dư cuối năm	**412.558.048.501**	**316.327.466.686**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(TIẾP THEO)*

22. VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 11.234.680.460.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 11.234.680.460.000 đồng). Số cổ phiếu đã phát hành và đang lưu hành của Tổng Công ty:

	Số cuối năm Số lượng cổ phiếu	Số đầu năm Số lượng cổ phiếu
Cổ phiếu đã phát hành và đang lưu hành	**1.123.468.046**	**1.123.468.046**

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Tổng Công ty chỉ có một loại cổ phiếu phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ 1 quyền biểu quyết cho mỗi cổ phiếu sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ phiếu đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng Công ty.

Chi tiết các cổ đông tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Tại ngày 31.12.2023		Tại ngày 31.12.2022	
	Cổ phiếu phổ thông	**%**	**Cổ phiếu phổ thông**	**%**
EVN	1.114.422.994	99,19	1.114.422.994	99,19
Các cổ đông khác	9.045.052	0,81	9.045.052	0,81
	1.123.468.046	**100**	**1.123.468.046**	**100**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(TIẾP THEO)*

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước (Trình bày lại)	11.234.680.460.000	6.014.917.945	47.147.215.051	696.713.720.759	15.890.285.682	5.010.892.653.635	381.497.567.497	17.392.836.820.569
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	2.494.669.384.691	25.436.939.224	2.520.106.323.915
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	623.345.602.464	-	(623.345.602.464)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(204.309.275.716)	(5.582.864.697)	(209.892.140.413)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(2.078.415.885.100)	(27.273.154.500)	(2.105.689.039.600)
Sử dụng quỹ đầu tư phát triển	-	-	3.664.414.950	(4.124.494.950)	-	-	-	(460.080.000)
Phân loại lại	-	-	-	-	(142.260.660)	-	(36.548.616)	(178.809.276)
Số dư đầu năm này (Trình bày lại)	11.234.680.460.000	6.014.917.945	50.811.630.001	1.315.934.828.273	15.748.025.022	4.599.491.275.047	374.041.938.908	17.596.723.075.196
Góp vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	1.065.134.625.680	18.588.681.656	1.083.723.307.336
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	-	-	(201.048.527.460)	(5.703.361.032)	(206.751.888.492)
Chia cổ tức năm 2022 (*)	-	-	-	-	-	(1.605.929.941.888)	(22.402.365.828)	(1.628.332.307.716)
Tạm ứng cổ tức (**)	-	-	-	-	-	(771.328.443.449)	(5.934.363.187)	(777.262.806.636)
Hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển (***)	-	-	-	(389.804.834.183)	-	389.804.834.183	-	-
Chi cổ tức từ nguồn hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển (***)	-	-	-	-	-	(292.101.691.960)		(292.101.691.960)
Sử dụng quỹ đầu tư phát triển	-	-	9.014.253.182	(13.886.160.849)	-	-	-	(4.871.907.667)
Điều chỉnh khác	-	(6.014.917.945)	6.014.917.945	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm này	11.234.680.460.000	-	65.840.801.128	912.243.833.241	15.748.025.022	3.184.022.130.153	358.590.530.517	15.771.125.780.061

(*) Căn cứ theo Nghị quyết số 66/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 6 năm 2023, Nghị quyết số 422/NQ-NĐBR ngày 19 tháng 4 năm 2023 và Nghị quyết số 206/NQ-ĐHĐCĐ-NBTPC ngày 08 tháng 6 năm 2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên, Công ty mẹ và các Công ty con đã tiến hành trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ nguồn Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022. Ngoài ra, theo các nghị quyết này, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án chia cổ tức cho các cổ đông.

(**) Căn cứ theo Nghị quyết số 125/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 12 năm 2023 và Nghị quyết số 1317/NQ-NĐBR ngày 07 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty đã tạm ứng cổ tức năm 2023 từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối năm 2023.

(***) Căn cứ theo Nghị quyết số 127/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023 và theo Nghị quyết số 1430/NQ-NĐBR ngày 29 tháng 12 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua phương án hoàn nhập Quỹ đầu tư và phát triển vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để chi trả cổ tức bằng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(TIẾP THEO)*

23. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty không có số dư tiền và các khoản tương đương tiền bằng ngoại tệ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 3.046,4 Đô la Mỹ).

24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Tổng Công ty là sản xuất, kinh doanh điện năng trong nước. Hoạt động sản xuất kinh doanh khác của Tổng Công ty chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Tổng Công ty trong năm cũng như các năm tài chính trước. Ban Tổng Giám đốc nhận định rằng, rủi ro kinh doanh và tỷ suất sinh lời của Tổng Công ty không bị tác động bởi những khác biệt về lĩnh vực kinh doanh mà Tổng Công ty cung cấp và khu vực địa lý mà Tổng Công ty hoạt động. Do đó, Tổng Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

25. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Doanh thu thuần về bán điện	45.498.959.954.021	46.779.421.537.943
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh khác	363.235.750.856	410.169.723.381
	45.862.195.704.877	**47.189.591.261.324**

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Giá vốn bán điện	41.021.367.998.363	41.458.625.148.990
Giá vốn về hoạt động kinh doanh khác	322.782.282.566	349.341.382.463
	41.344.150.280.929	**41.807.966.531.453**

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Lãi tiền gửi	197.911.669.544	195.145.189.215
Lãi chênh lệch tỷ giá	45.575.723.821	57.902.618.091
Cổ tức, lợi nhuận được chia	91.694.933.915	55.115.183.909
Khác	4.001.620.381	14.978.842.922
	339.183.947.661	323.141.834.137

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(TIẾP THEO)*

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	2.468.022.741.831	1.576.833.210.859
Lỗ chênh lệch tỷ giá	868.381.688.990	966.269.876.673
Hoàn nhập dự phòng	(4.433.622.494)	-
	3.331.970.808.327	**2.543.103.087.532**

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	324.192.281.257	319.558.926.968
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	14.891.270.794	19.102.565.151
Chi phí khấu hao tài sản cố định	68.138.203.324	59.976.439.592
Chi phí dịch vụ mua ngoài (*)	45.708.054.993	38.339.892.267
Chi phí khác	198.391.298.625	237.302.202.406
	651.321.108.993	**674.280.026.384**

(*) Phí dịch vụ cho công ty kiểm toán bao gồm: Phí dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 là 900.000.000 đồng và phí cho dịch vụ soát xét báo cáo tài chính 6 tháng năm 2023 là 700.000.000 đồng.

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Chi phí nguyên vật liệu	33.863.343.129.334	34.752.905.406.542
Chi phí nhân viên	1.154.647.795.384	1.109.691.675.029
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.503.934.254.192	4.436.232.207.078
Chi phí dịch vụ mua ngoài	544.222.476.087	529.445.455.662
Chi phí sửa chữa lớn	996.979.003.379	548.789.444.696
Chi phí khác	932.545.542.016	1.105.427.466.599
	41.995.672.200.392	42.482.491.655.606

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(TIẾP THEO)*

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	157.607.434.862	499.846.456.578
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	(620.458.886)	260.870.688
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**156.986.975.976**	**500.107.327.266**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm tài chính được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận trước thuế	**1.240.710.283.312**	**3.020.213.651.181**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	*(467.561.911.192)*	*(571.121.947.808)*
Cộng: Chi phí không hợp lý, hợp lệ	*14.888.802.190*	*50.140.579.510*
Lợi nhuận tính thuế	**788.037.174.310**	**2.499.232.282.883**
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**157.607.434.862**	**499.846.456.578**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**1.065.134.625.680**	**2.494.669.384.691**
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(201.048.527.460)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	**1.065.134.625.680**	**2.293.620.857.231**
Số cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành trong năm (cổ phiếu)	1.123.468.046	1.123.468.046
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	**948**	**2.042**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(TIẾP THEO)*

(*) Như đã trình bày tại thuyết minh số 22, Tổng Công ty đã thông qua phương án trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ nguồn Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022. Theo đó, Tổng Công ty trình bày lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, cụ thể như sau:

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**2.494.669.384.691**	**2.494.669.384.691**
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (VND)	-	(201.048.527.460)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	**2.494.669.384.691**	**2.293.620.857.231**
Số cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành trong năm (cổ phiếu)	1.123.468.046	1.123.468.046
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	**2.221**	**2.042**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể trích lập vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm nay do Đại hội đồng cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích vào quỹ này. Nếu Tổng Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

33. NGHĨA VỤ HOÀN NGUYÊN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Tổng Công ty có nghĩa vụ thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng vào cuối thời hạn thuê hoặc thời hạn kết thúc dự án của các nhà máy điện. Theo các quy định có liên quan việc trích trước chi phí hoàn nguyên môi trường phải được thực hiện theo cơ chế chính sách áp dụng cho từng ngành nghề, từng đơn vị. Tổng Công ty chưa ước tính giá trị của nghĩa vụ hoàn nguyên này vì đây là lĩnh vực kỹ thuật phức tạp và liên quan đến tính toán giá thành điện. Theo đó Tổng Công ty đang trao đổi với Công ty mẹ để có hướng dẫn cụ thể hơn; đồng thời theo dõi các cập nhật về cơ chế chính sách về dự phòng hoàn nguyên áp dụng cho lĩnh vực sản xuất điện trong việc ước tính giá trị của nghĩa vụ này.

34. CAM KẾT CHI TIÊU VỐN

Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, kế hoạch đầu tư xây dựng đã được phê duyệt của Tổng Công ty như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nhà máy điện và các công trình khác	177.684.000.000	277.999.936.000

Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dưới 1 năm	40.456.082.111	34.549.972.046
Từ 1 đến 5 năm	138.429.048.439	116.285.505.127
Trên 5 năm	818.985.043.837	844.993.186.884
	997.870.174.387	**995.828.664.057**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện cho các hợp đồng thuê văn phòng và thuê đất tại các nhà máy điện của Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(TIẾP THEO)*

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm tài chính:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (gọi tắt là "EVN")	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	Bên liên quan khác
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	Bên liên quan khác
Công ty Mua bán điện - Chi nhánh EVN (gọi tắt là "Công ty Mua bán điện")	Bên liên quan khác
Công ty Nhiệt điện Duyên Hải - Chi nhánh Tổng Công ty Phát Điện 1 ("Công ty Nhiệt điện Duyên Hải")	Bên liên quan khác
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	Bên liên quan khác
Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng và Công nghệ EVN - Chi nhánh EVN ("Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng và Công nghệ EVN")	Bên liên quan khác
Công ty Nhiệt điện Thái Bình - Chi nhánh EVN ("Công ty Nhiệt điện Thái Bình")	Bên liên quan khác
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Bên liên quan khác
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc	Bên liên quan khác
Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân ("Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 và Vĩnh Tân 4 Mở Rộng")	Bên liên quan khác
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 - Chi nhánh EVN ("Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4")	Bên liên quan khác
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin - CN Tập đoàn điện lực Việt Nam ("Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin")	Bên liên quan khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(TIẾP THEO)*

Trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm (Trình bày lại) VND
Bán hàng hàng hóa, dịch vụ		
Công ty Mua bán điện	45.496.013.709.175	46.776.381.874.288
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4	187.788.056.123	309.008.821.321
Biên liên quan khác	74.350.691.495	32.583.342.068
Mua hàng hóa, dịch vụ		
EVN	110.377.284.167	118.422.082.499
Biên liên quan khác	40.477.869.316	36.836.026.509
Trả nợ gốc vay		
EVN	49.153.569.672	50.378.035.822
Chi phí lãi vay		
EVN	2.339.353.732.819	1.412.400.303.940
Doanh thu cổ tức, lợi nhuận được chia		
Công ty Cổ phần Điện lực dầu khí Nhơn Trạch 2	17.804.800.000	11.751.168.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	31.044.981.000	16.557.323.200
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	16.383.802.915	12.603.102.709
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	13.850.000.000	8.000.000.000
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	9.250.000.000	2.500.000.000
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	3.223.850.000	3.466.090.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc	137.500.000	237.500.000
Lãi vay đã trả		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	5.213.192.111	6.298.164.077
Thu hồi từ trái phiếu		
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	66.000.000.000	126.000.000.000
Lãi trái phiếu		
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	5.213.192.111	6.298.164.077
Góp vốn		
Công ty Cổ phần Simacai	66.000.000.000	126.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(TIẾP THEO)*

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác của Tổng Công ty được hưởng trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Ông Đinh Quốc Lâm	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	902.820.000	897.996.000
Ông Lê Văn Danh	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc	875.460.000	870.792.000
Ông Trương Quốc Phúc	Thành viên Hội đồng Quản trị chuyên trách (đến ngày 14 tháng 6 năm 2022)	-	361.697.000
Bà Nguyễn Thị Hải Yến	Thành viên Hội đồng Quản trị chuyên trách (từ ngày 15 tháng 6 năm 2023)	429.748.000	-
Ông Đỗ Mộng Hùng	Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập	158.676.000	157.836.000
Ông Nguyễn Minh Khoa	Thành viên Hội đồng Quản trị không chuyên trách	158.676.000	157.836.000
Ông Cao Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 01 tháng 10 năm 2023)	528.920.000	789.156.000
Ông Nguyễn Thanh Trùng Dương	Phó Tổng Giám đốc	793.380.000	789.156.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Phó Tổng Giám đốc	793.380.000	789.156.000
Ông Võ Minh Thắng	Phó Tổng Giám đốc	793.380.000	789.156.000
Ông Trần Đình Ân	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 10 tháng 3 năm 2023)	628.093.000	-
Bà Vũ Phương Thảo	Kế toán trưởng	738.672.000	734.736.000
Ông Phạm Hùng Minh	Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách	820.752.000	816.360.000
Bà Vũ Hải Ngọc	Kiểm soát viên kiêm nhiệm	158.676.000	157.836.000
Ông Đậu Đức Chiến	Kiểm soát viên kiêm nhiệm	158.676.000	157.836.000
		7.939.309.000	**7.469.549.000**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(TIẾP THEO)*

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

Tên	Số cuối năm VND	Số đầu năm (Trình bày lại) VND
Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Mua bán điện	8.812.463.189.700	10.795.483.459.416
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4	177.907.195.181	447.861.851.881
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	21.819.807.261	33.130.626.267
Công ty Nhiệt Điện Duyên Hải	42.561.423.912	6.210.749.473
Công ty Nhiệt điện Thái Bình	6.015.620.139	6.015.620.139
Các bên liên quan khác	417.188.696	707.864.318
	9.061.184.424.889	**11.289.410.171.494**
Các khoản phải thu khác ngắn hạn		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	15.256.171.287	15.256.171.287
Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng và Công nghệ EVN	67.966.368.944	67.966.368.944
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 và Vĩnh Tân 4 Mở Rộng	130.896.250.922	65.091.830.980
Bên liên quan khác	248.954.170.506	2.408.207.606
	463.072.961.659	**150.722.578.817**
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.716.422.962	965.412.038
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A	4.289.053.899	450.227.479
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin	1.922.496.957	322.457.255
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	1.185.813.676	-
Bên liên quan khác	8.598.407.067	3.344.483.888
	17.712.194.561	**5.082.580.660**
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4	26.069.333.328	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4	611.347.460.601	-
Các khoản phải trả khác ngắn hạn		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	668.111.256.215	1.219.167.137.407
Bên liên quan khác	27.948.903.534	18.179.715.557
	696.060.159.749	**1.237.346.852.964**
Các khoản vay ngắn hạn		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	4.867.013.582.996	4.680.509.091.943
Các khoản vay dài hạn		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	30.206.285.580.617	34.231.213.038.394

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(TIẾP THEO)*

36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Các giao dịch chủ yếu không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bù trừ gốc vay phải trả cho EVN và phải thu khách hàng ngắn hạn từ Công ty Mua bán điện	4.615.976.968.558	4.510.989.167.077
Bù trừ lãi vay, phí vay lại, thuế nhà thầu phải trả cho EVN và phải thu khách hàng ngắn hạn từ Công ty Mua bán điện	2.272.331.172.013	1.146.706.891.397
Bù trừ khoản phải trả cổ tức cho EVN với khoản phải thu khách hàng ngắn hạn từ Công ty Mua bán điện	3.260.801.680.444	1.448.749.892.200

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ tại ngày kết thúc năm tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Cổ tức đã thông báo nhưng chưa trả	22.746.804.061	615.910.262.784
Mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang chưa thanh toán tại ngày cuối năm	42.999.725.387	123.113.249.439
Ứng trước tiền mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang tại ngày cuối năm	41.110.193.698	49.373.086.524
Lãi vay trích trước chưa thanh toán tại cuối năm	682.980.203.039	624.600.247.827
Lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm nhưng chưa được thanh toán tại ngày cuối năm	347.830.323.620	70.458.551.140

Ngoài ra, tiền thu đi vay và tiền chi trả nợ gốc vay trong năm không bao gồm số tiền 1.259.234.702.516 đồng (năm 2022: 0 đồng) là giá trị các khoản vay có thời hạn vay không quá 3 tháng được trình bày trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(TIẾP THEO)*

37. CỔ PHẦN HÓA

Theo Quyết định số 9494/QĐ-BCT ngày 22 tháng 10 năm 2014, Bộ Công Thương quyết định cổ phần hóa Công ty mẹ. Theo Quyết định số 2100/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ. Công ty mẹ đã hoàn thành việc lập báo cáo tài chính tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp cổ phần lần đầu ngày 27 tháng 9 năm 2018 bao gồm thực hiện xử lý tài chính ở thời điểm doanh nghiệp chính thức trở thành công ty cổ phần, thực hiện công tác kiểm toán độc lập báo cáo tài chính, thực hiện quyết toán thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước với cơ quan thuế.

Ngày 11 tháng 11 năm 2021, Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Phát điện 3 (thành lập theo Quyết định số 110/QĐ-UBQLV ngày 9 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp) đã gửi Báo cáo số 6932/BC-EVN về việc rà soát Hồ sơ quyết toán cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Phát điện 3 đến Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp đề nghị phê duyệt giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần và quyết toán cổ phần hóa.

Ngày 6 tháng 02 năm 2024, Kiểm toán nhà nước đã phát hành Báo cáo kiểm toán quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần của Công ty mẹ - Tổng Công ty Phát điện 3. Theo đó, một số điều chỉnh hồi tố đã được thực hiện như đã đề cập tại thuyết minh số 4.

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hoá của Công ty mẹ. Do đó, các ảnh hưởng tài chính (nếu có) đến báo cáo tài chính hợp nhất này có thể được bổ sung khi có phê duyệt cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền về quyết toán cổ phần hóa.

38. PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt phát hành vào ngày 30 tháng 3 năm 2024.

Trần Nguyễn Khánh Linh	**Vũ Phương Thảo**	**Nguyễn Thị Thanh Hương**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Phó Tổng Giám đốc**
		Ngày 30 tháng 3 năm 2024

EVNGENCO3

TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 - CTCP
Số 60-66 Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala,
Phường An Lợi Đông, TP. Thủ Đức, TP.HCM, Việt Nam
(+84) 28 3636 7449 www.genco3.com